

BÁO CÁO **2024**  
THƯỜNG NIÊN



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

# MỤC LỤC

---

- 01** THÔNG TIN CHUNG
- 02** TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- 03** BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 04** ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- 05** QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 06** BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024



**Công ty Cổ phần Dệt may 29/3**

Vui lòng tải hoặc xem

Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 tại:

**Link: [www.hachiba.com.vn](http://www.hachiba.com.vn)**

# 01

## THÔNG TIN CHUNG

**Thông tin khái quát**

**Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**Thông tin về mô hình quản trị,  
tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**Quá trình hình thành và phát triển**


**Các rủi ro**





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên giao dịch:</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3
<b>Tên viết tắt:</b>	HACHIBA
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:</b>	Số 3203001358 (số mới 0400100457) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/11/2018.
<b>Địa chỉ:</b>	60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
<b>Số điện thoại:</b>	0236 375 9991

<b>Số fax:</b>	0236 375 9622
<b>Website:</b>	<a href="http://www.hachiba.com.vn">www.hachiba.com.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu:</b>	HCB
<b>Logo:</b>	



**Vốn điều lệ (VNĐ)** \_\_\_\_\_

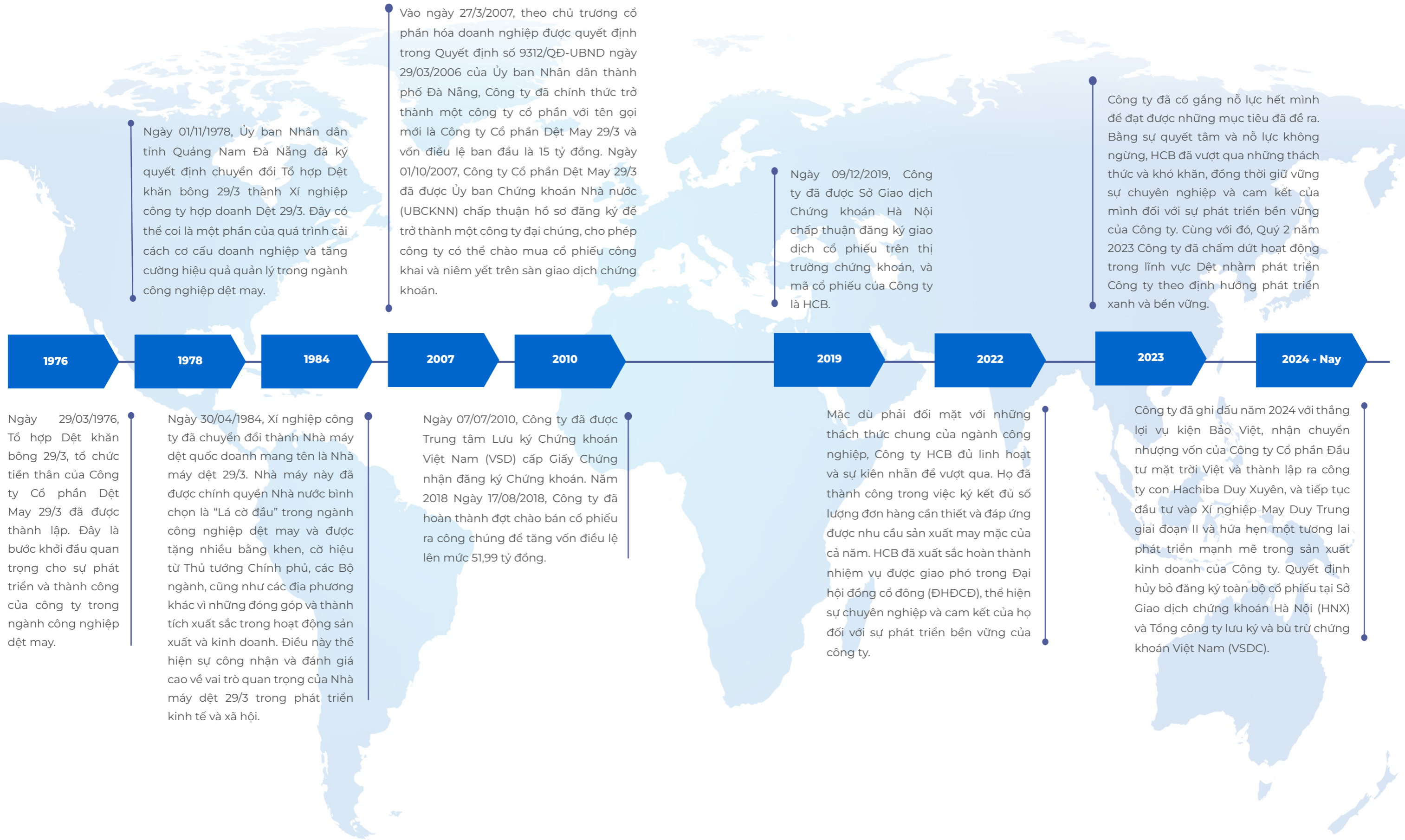
**51.992.740.000**



ISO 9001



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





# THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

## Các giải thưởng tiêu biểu

- Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng tặng Công ty đã có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 07/9/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế trong tình hình mới” trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2009-2024 theo QĐ số 927/QĐ-UBND ngày 03/05/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng;
- Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng tặng đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 (QĐ số 806/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng);
- Giấy khen Đảng bộ Công ty đạt tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu năm 2023 theo QĐ số 559-QĐ/ĐU ngày 19/01/2024 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;
- Doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” năm 2023 (QĐ số 265/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng).



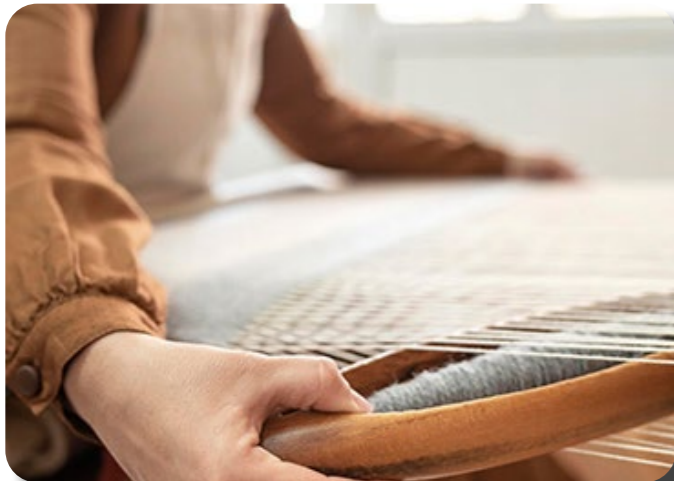


## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh

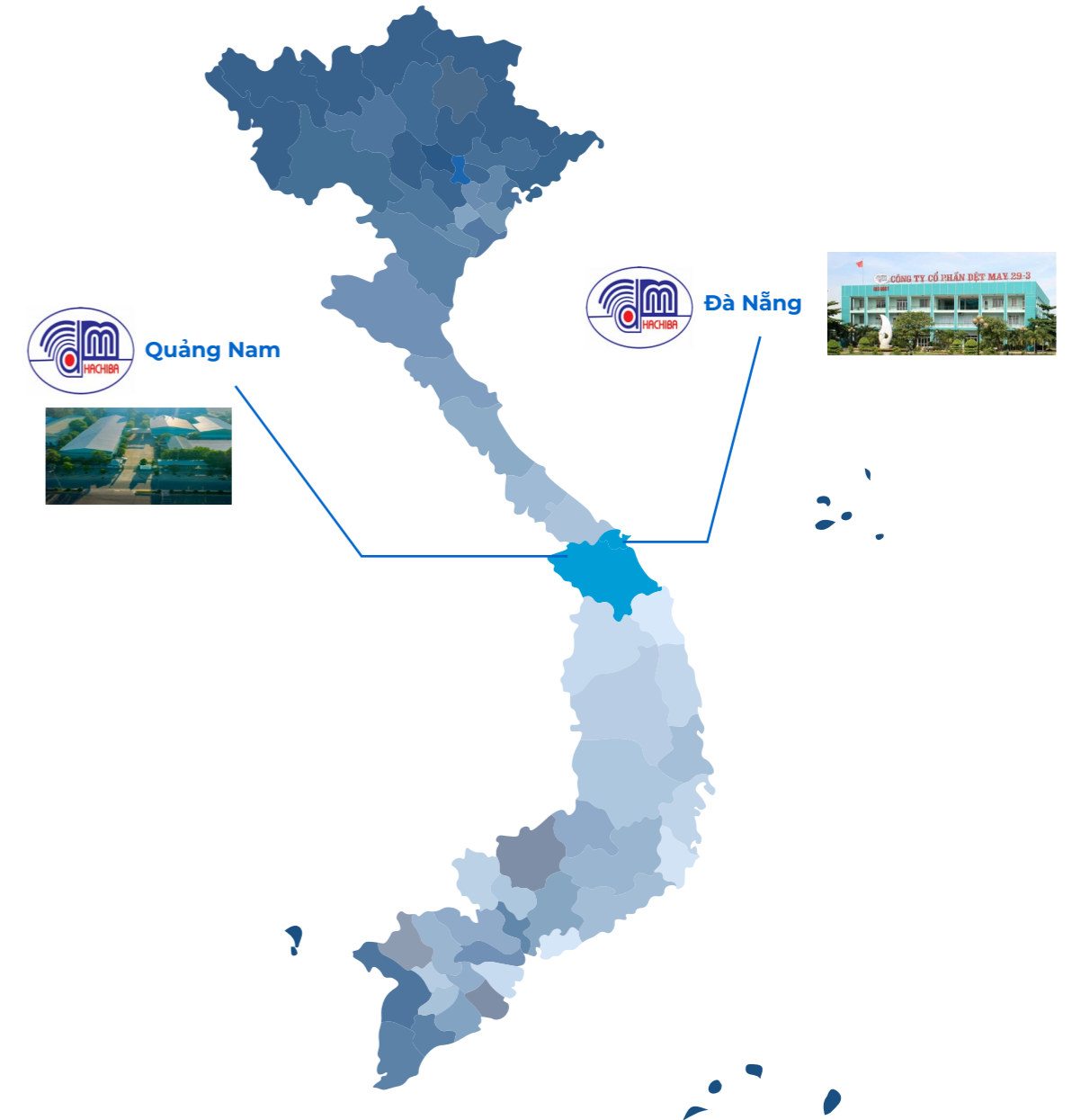
Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hoạt động kinh doanh chính của công ty bao gồm:

- ✓ Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc;
- ✓ Bán buôn các sản phẩm trong ngành may mặc;
- ✓ Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may;
- ✓ Bán lẻ các sản phẩm trong ngành may mặc;
- ✓ Bán buôn các sản phẩm bao bì và nguyên vật liệu cho ngành dệt may ngành may mặc;
- ✓ Kinh doanh các dịch vụ thương mại liên quan đến ngành may mặc;
- ✓ Khăn bông các loại, quần áo các loại, veston.



### Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu ở Đà Nẵng và Quảng Nam Năng lực sản xuất: Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm may mặc, với thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, và nhiều thị trường khác. Hiện Công ty có một đội ngũ lao động với gần 2.700 người và 6 xí nghiệp, trong đó gồm 1 xí nghiệp veston.



### Năng lực sản xuất

Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm may mặc, với thị trường xuất khẩu chủ yếu bao gồm Mỹ, Liên minh Châu Âu, và các quốc gia khác. Công ty hiện có đội ngũ lao động gần 2.700 người và sở hữu 6 xí nghiệp, trong đó có 5 xí nghiệp may và 1 xí nghiệp chuyên sản xuất veston. Năng lực sản xuất hàng năm đạt trên 18 triệu sản phẩm may mặc, bao gồm các loại áo quần thể thao, đồng phục y tế, veston, quần âu, jacket, và các sản phẩm khác.



# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Khẳng định giá trị thương hiệu bằng chữ “TÍN”

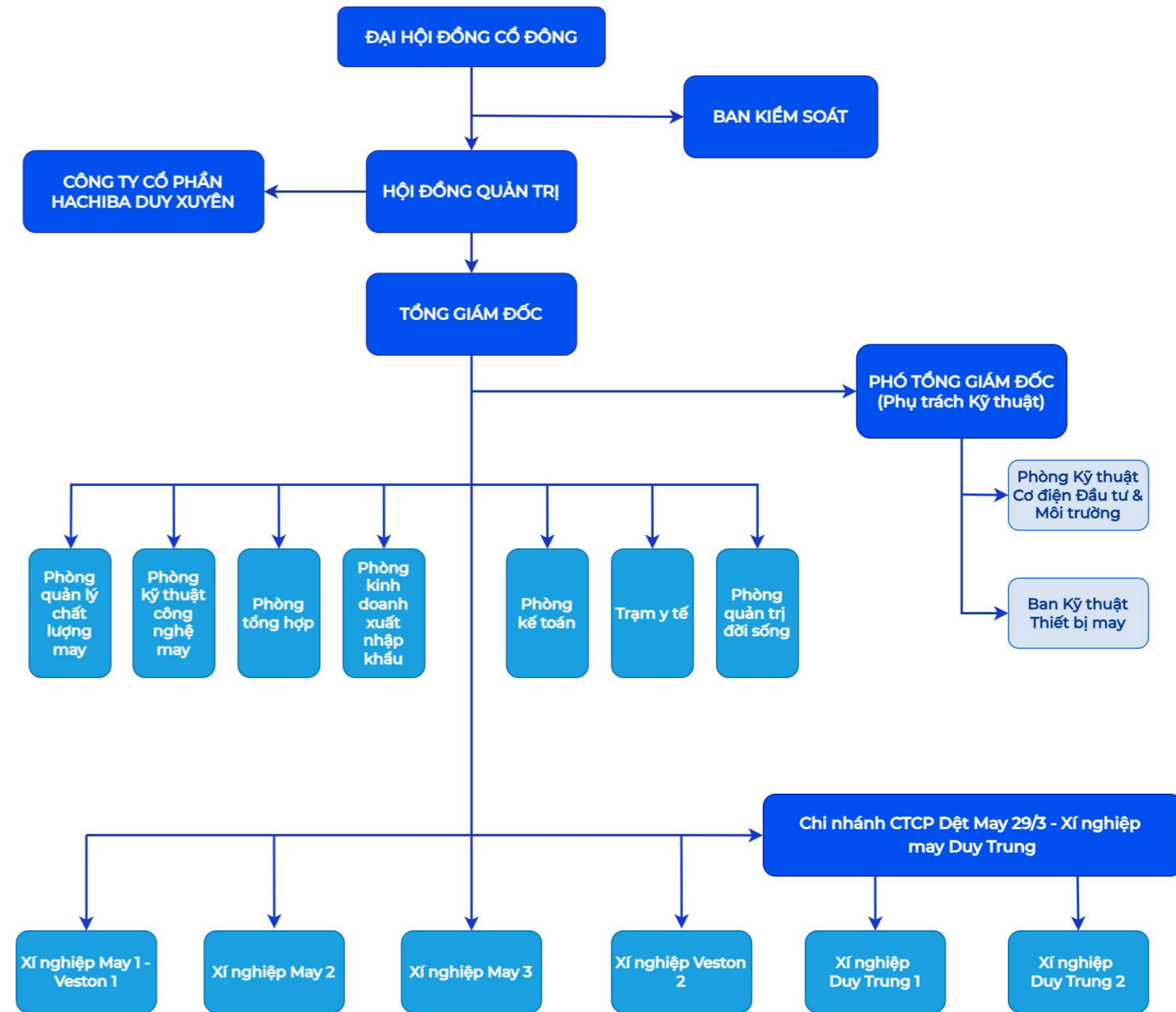
Vào đúng một năm sau ngày giải phóng Đà Nẵng, ngày 29/3/1976, Tổ hợp dệt 29/3 chính thức được thành lập và đi vào hoạt động. Trải qua 45 năm đầy thử thách và biến động, Tổ hợp dệt nay đã phát triển mạnh mẽ, trở thành Công ty Cổ phần Dệt may 29/3, vững vàng khẳng định vị thế là lá cờ đầu của ngành công nghiệp dệt may Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Khi đến với công ty, ấn tượng đầu tiên chính là câu khẩu hiệu hành động được đặt trang trọng: “Công ty chúng ta không lớn nhất nhưng quyết tâm phấn đấu trở thành một trong những đơn vị uy tín nhất.” Uy tín với cộng đồng, uy tín với khách hàng và uy tín trong nội bộ chính là giá trị cốt lõi giúp công ty không ngừng phát triển, vượt qua những thử thách trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.



## Mô hình quản trị

Công ty cổ phần Dệt May 29/3 là Công ty cổ phần tổ chức mô hình quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, gồm các bộ phận: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.







**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Hiện nay Công ty đang hoạt động với một số tiêu chí quan trọng như sau:

Sáng tạo và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ: Công ty không ngừng tìm kiếm và áp dụng các ý tưởng mới để đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh: Thực hiện các kế hoạch sản xuất và kinh doanh một cách hiệu quả và đúng hạn, giúp đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững.

Duy trì và phát triển khách hàng: Công ty tiếp tục mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, truyền thống và phát triển khách hàng mới, đồng thời duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng hiện tại và nâng cao giá trị thương mại thông qua dòng sản phẩm.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Về chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh:** HCB đã và đang tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào cải thiện cơ sở hạ tầng sản xuất và nâng cao năng suất lao động. Điển hình là việc đầu tư vào Xí nghiệp may Duy Trung 2 tại Cụm công nghiệp Tây An, Duy Xuyên. Ngoài ra, Công ty cũng tiếp tục đầu tư thêm vào các thiết bị chuyên dùng hiện đại, có năng suất cao để tăng cường khả năng sản xuất và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Điều này không chỉ giúp cải thiện hiệu suất lao động mà còn tạo ra các sản phẩm chất lượng và tiết kiệm được chi phí sản xuất. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng triệt để và có hiệu quả công nghệ sản xuất tinh gọn cho tất cả các hoạt động sản xuất tại các xí nghiệp của mình.
- Về phát triển nguồn nhân lực:** Thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, tăng ca và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động, nhằm thu hút và tuyển dụng thêm nhân lực cho các xí nghiệp của mình. Tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo và các cán bộ chủ chốt là một phần quan trọng trong chiến lược nhân sự của công ty.
- Về chiến lược thị trường:** Đa dạng hóa thị trường và khách hàng để tìm kiếm và khai thác các thị trường mới và khách hàng mới, đặc biệt là các khách hàng sản xuất veston, giúp mở rộng cơ hội kinh doanh và nâng cao hiệu quả sản xuất. Cân đối tỷ trọng các đơn hàng FOB/CMT một cách hợp lý bảo đảm hiệu quả.
- Tăng cường quản trị sản xuất và quản trị rủi ro:** đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra một cách hiệu quả và an toàn. Nâng cao năng lực chỉ đạo và điều hành của Ban điều hành các cấp, đặc biệt là năng lực điều hành của Giám đốc xí nghiệp trong việc thực hiện các công tác cải tiến và tăng cường năng suất lao động.
- Về định hướng tổ chức, phát triển doanh nghiệp:** Để phù hợp với chủ trương xây dựng thành phố môi trường xanh của Đà Nẵng và yêu cầu “sản xuất xanh” của khách hàng toàn cầu, nên HĐQT đã chỉ đạo chấm dứt ngành dệt vào năm 2023. Công ty đã xây dựng lộ trình phấn đấu đến năm 2025 để trở thành công ty đạt tiêu chí sản xuất xanh của Tổ chức môi trường xanh Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và chủ trương của Thành phố.



### Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Nâng cao uy tín thương hiệu: Đảm bảo chất lượng sản phẩm, ổn định sản xuất và tạo điều kiện làm việc cho người lao động
- Áp dụng công nghệ cao: Sử dụng công nghệ cao vào quy trình sản xuất và kinh doanh nhằm tăng cường hiệu suất, tiết kiệm chi phí và nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Tối đa hóa lợi nhuận: Không ngừng nỗ lực nâng cao hiệu quả và tối đa hóa lợi nhuận, nhằm mang lại lợi ích thiết thực nhất cho cổ đông và các bên liên quan.
- Chăm sóc đến lợi ích của cổ đông: Đảm bảo rằng các quyết định kinh doanh và hoạt động của mình đều hướng đến việc tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, bằng cách tăng cường hiệu suất và sinh lời bền vững.
- Tập trung vào chăm sóc người lao động: Đề cao vai trò của người lao động và tập trung vào việc cung cấp các chính sách lương, thưởng, chế độ phúc lợi và môi trường làm việc tích cực, giúp họ cảm thấy được tôn trọng, động viên và phát triển.
- Tạo điều kiện làm việc an toàn và phát triển năng lực: Đảm bảo rằng môi trường làm việc của họ an toàn và thúc đẩy sự phát triển và nâng cao năng suất làm việc của người lao động thông qua đào tạo và phát triển kỹ năng.
- Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường: Tuân thủ tất cả các quy định pháp luật liên quan và chấp hành các tiêu chuẩn và quy định về bảo vệ môi trường, nhằm giữ vững uy tín và trách nhiệm xã hội của mình.





**CÁC RỦI RO**

## Rủi ro kinh tế

Năm 2024, theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, GDP của Việt Nam tăng trưởng 7,09%, một mức tăng trưởng tích cực so với 5,05% của năm 2023. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước như điều chỉnh lãi suất, tỷ giá, và các biện pháp kích thích tiêu dùng, giúp cải thiện điều kiện kinh doanh cho các doanh nghiệp dệt may. Tuy nhiên, ngành dệt may vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Mặc dù nhu cầu nội địa có dấu hiệu phục hồi nhờ chính sách kích cầu, xuất khẩu – vốn là động lực chính của ngành – có thể tiếp tục chịu áp lực do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chưa thực sự vững chắc. Căng thẳng địa chính trị và tranh chấp thương mại giữa các nền kinh tế lớn có thể ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng nguyên liệu đầu vào cũng như nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ, EU và Nhật Bản.

Ngoài ra, áp lực tỷ giá nếu kéo dài có thể làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên phụ liệu, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Lạm phát trong nước, dù được kiểm soát, vẫn có nguy cơ gia tăng nếu điều kiện tiền tệ tiếp tục nới lỏng, làm tăng chi phí sản xuất và vận hành. Bên cạnh đó, những khó khăn trong lĩnh vực bất động sản và thị trường trái phiếu doanh nghiệp có thể khiến

dòng tín dụng từ ngân hàng bị thắt chặt, làm hạn chế khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp dệt may, đặc biệt là những doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng sản xuất hoặc đầu tư đổi mới công nghệ.

Đối với ngành dệt may Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu, ngành đang phải đối mặt với nhiều khó khăn do suy thoái kinh tế toàn cầu và hậu quả kéo dài của đại dịch COVID-19, mặc dù tình hình đã có sự cải thiện phần nào. Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức lớn như lượng hàng tồn kho cao và sự cạnh tranh khốc liệt, khiến sản lượng xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam giảm đáng kể. Trước tình hình này, ngành dệt may cần tiến hành tái cơ cấu sản xuất và kinh doanh để tối ưu hóa hoạt động và nâng cao khả năng cạnh tranh. Trong bối cảnh đó, Công ty cổ phần Dệt May 29/3 nhận thức rõ ràng về các rủi ro mà nền kinh tế có thể mang lại đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu của mình. Vì vậy, công ty không ngừng theo dõi sát sao và dự báo các biến động của thị trường để kịp thời phát hiện và đánh giá các rủi ro, từ đó triển khai các biện pháp linh hoạt và hiệu quả nhằm bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



## Rủi ro pháp luật

Với việc Công ty được niêm yết trên sàn Chứng khoán - một chủ thể hoạt động gây ảnh hưởng khá lớn trong nền kinh tế thị trường, chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật toàn diện và phức tạp, bao gồm các quy định chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Đất đai và nhiều bộ luật chuyên ngành khác như Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Chứng khoán. Các văn bản pháp luật này không ngừng được điều chỉnh, đổi mới và hoàn thiện nhằm đảm bảo tính phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam.



Bên cạnh việc tuân thủ các quy định pháp lý hiện hành, HCB còn đối mặt với áp lực từ việc Việt Nam đang hướng tới nâng hạng thị trường chứng khoán từ cận biên lên mới nổi. Quá trình nâng hạng này đòi hỏi doanh nghiệp niêm yết phải đáp ứng các tiêu chuẩn cao hơn về minh bạch tài chính, quản trị doanh nghiệp và công bố thông tin. Điều này có thể tạo ra những thách thức pháp lý đối với HCB, đặc biệt trong việc nâng cao tính minh bạch của báo cáo tài chính và công bố thông tin.

Những định hướng chiến lược này đặt ra không ít thách thức cho Công ty, đặc biệt trong việc phải thường xuyên cập nhật và điều chỉnh hoạt động để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, đồng thời đáp ứng được các tiêu chuẩn và mục tiêu mới. Việc theo kịp các thay đổi pháp lý không chỉ đòi hỏi sự nhạy bén trong quản lý mà còn yêu cầu sự đầu tư đáng kể về nguồn lực để xây dựng năng lực vận hành phù hợp với định hướng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

## Rủi ro nguyên vật liệu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) với các quốc gia và đối tác lớn trên toàn cầu. Những hiệp định này không chỉ mang lại cơ hội mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước, mà còn đặt ra không ít thách thức đáng kể. Sự gia nhập của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước vào thị trường Việt Nam đã làm gia tăng sự cạnh tranh trong môi trường kinh doanh, khiến áp lực đối với các doanh nghiệp càng trở nên khốc liệt hơn. Điều này gián tiếp tạo ra rủi ro cạnh tranh, là một thử thách lớn đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là ngành may mặc.

Đặc biệt, ngành may mặc phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các quốc gia xuất khẩu lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia và Campuchia, vốn đã xây dựng được nền tảng sản xuất mạnh mẽ và có chi phí lao động thấp. Trong bối cảnh này, căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc đã tạo ra sự biến động trong chuỗi cung ứng toàn cầu, mở ra những cơ hội mới cho các quốc gia tham gia các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA và RCEP. Việc tham gia vào những hiệp định này

không chỉ giúp ngành sản xuất dệt may của Việt Nam tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn, mà còn giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước.

Để tận dụng những cơ hội này, HCB đang tích cực cải thiện các chiến lược kinh doanh. Công ty đang chuyển đổi và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, phát triển công tác thị trường và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học kỹ thuật nhằm cải tiến quy trình sản xuất và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, HCB còn đầu tư mạnh vào các thiết bị hiện đại và tự động hóa quy trình sản xuất để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu sự phụ thuộc vào lao động thủ công, mà còn giúp công ty tăng cường hiệu suất sản xuất, giảm chi phí và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Rủi ro lãi suất

Là doanh nghiệp sản xuất trong ngành dệt may, HCB có nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính để nhập khẩu nguyên vật liệu, mở rộng sản xuất và duy trì hoạt động kinh doanh. Vì vậy, bất kỳ biến động nào của lãi suất đều có thể tác động trực tiếp đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty. Trên thực tế, phần lớn các khoản vay của HCB đến từ các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước, với lãi suất chủ yếu ở mức thả nổi. Điều này tiềm ẩn nhiều rủi ro nếu lãi suất thị trường biến động mạnh, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu và trong nước còn nhiều bất ổn. Khi lãi suất tăng, chi phí lãi vay của Công ty có thể gia tăng đáng kể, ảnh hưởng đến dòng tiền và khả năng mở rộng sản xuất.



Năm 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện các chính sách điều chỉnh lãi suất theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp, với mức giảm trung bình khoảng 0,44% nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát. Mặc dù điều này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp sản xuất như HCB, nhưng việc kiểm soát chi phí tài chính, đặc biệt là lãi suất vay ngắn hạn, vẫn là một thách thức lớn. Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô còn nhiều bất ổn và áp lực lạm phát chưa hoàn toàn được kiểm soát, công ty cần có chiến lược tài chính linh hoạt để ứng phó với những biến động khó lường. Do đó, HCB luôn chủ động theo dõi sát sao các chính sách tiền tệ và xu hướng lãi suất, từ đó đưa ra các quyết định phù hợp về cơ cấu nguồn vốn. Công ty có thể cân nhắc đa dạng hóa nguồn tài trợ, đàm phán các điều khoản vay có lợi hơn hoặc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro lãi suất để đảm bảo sự ổn định tài chính và duy trì hoạt động kinh doanh bền vững.



### Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro chính đã đề cập, HCB còn phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh và ô nhiễm môi trường, có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh cũng như ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án của Công ty. Mặc dù đây là những rủi ro không thể hoàn toàn tránh khỏi, nhưng doanh nghiệp vẫn có thể áp dụng các biện pháp phòng ngừa nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực và hạn chế tổn thất.

Để bảo vệ hoạt động sản xuất kinh doanh, HCB chủ động triển khai các giải pháp quản lý rủi ro như mua toàn bộ bảo hiểm tài sản trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Công ty không ngừng nâng cao nhận thức cho đội ngũ nhân sự về các quy trình an toàn, phòng chống rủi ro trong lao động, giúp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng từ các yếu tố bất khả kháng, duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

### Rủi ro tỷ giá

Là doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu sang Mỹ, Liên minh châu Âu (EU) và Nhật Bản, CTCP Dệt May 29/3 (HCB) thường thực hiện thanh toán bằng USD. Do đó, các biến động về lãi suất và tỷ giá ngoại tệ có tác động đáng kể đến hoạt động tài chính của Công ty, đặc biệt là chi phí vốn và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Năm 2024, mặc dù Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện các chính sách hỗ trợ ổn định tỷ giá, nhưng vẫn còn nhiều rủi ro tiềm ẩn đối với tỷ giá USD/VND. Khi đồng USD tăng giá trị so với VND, chi phí thanh toán các khoản phải trả bằng ngoại tệ của HCB sẽ gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận. Đặc biệt, do nguyên vật liệu đầu vào của ngành dệt may phần lớn được nhập khẩu, sự tăng giá của USD sẽ đẩy chi phí sản xuất lên cao, gây áp lực lớn trong việc kiểm soát giá thành sản phẩm. Điều này càng trở nên nghiêm trọng khi nhu cầu tiêu thụ hàng may mặc tại các thị trường xuất khẩu chính đang có dấu hiệu suy giảm, khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc thu hồi công nợ và duy trì lợi nhuận.

### Rủi ro cạnh tranh

Trong năm 2024, ngành dệt may đối mặt với một số rủi ro đáng kể liên quan đến nguyên vật liệu đầu vào, điều này có thể tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất và lợi nhuận của các công ty dệt may. Những rủi ro này xuất phát từ nhiều yếu tố như biến động giá nguyên liệu, thiếu hụt nguồn cung và sự phụ thuộc vào các thị trường cung ứng quốc tế.

**Biến động giá nguyên vật liệu:** Một trong những rủi ro lớn nhất mà các công ty dệt may phải đối mặt là sự biến động giá nguyên vật liệu, đặc biệt là sợi bông, polyester, vải và các chất liệu khác. Trong bối cảnh tình hình kinh tế toàn cầu chưa ổn định, các yếu tố như tình trạng thiếu hụt cung ứng, giá nguyên liệu thế giới tăng cao, hay chính sách thuế quan và lệnh cấm xuất khẩu từ các quốc gia sản xuất nguyên liệu có thể làm tăng chi phí sản xuất cho các doanh nghiệp dệt may. Nếu giá nguyên liệu không được kiểm soát chặt chẽ, điều này có thể làm giảm biên lợi nhuận và ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của các sản phẩm dệt may trên thị trường.

**Rủi ro từ xu hướng tiêu dùng và thay đổi thị hiếu:** Xu hướng tiêu dùng thay đổi cũng có thể ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng các loại nguyên vật liệu nhất định. Ví dụ, nếu người tiêu dùng chuyển sang ưu tiên các sản phẩm thời trang bền vững hoặc sử dụng nguyên liệu tái chế, các công ty dệt may sẽ phải điều chỉnh chiến lược cung ứng nguyên vật liệu, điều này có thể tạo ra một sự thay đổi đột ngột trong nhu cầu, gây khó khăn cho việc dự báo và quản lý nguồn cung.

**Biến động tỷ giá và ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu:** Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các đồng tiền mạnh như USD hoặc EUR có thể làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu cho các công ty dệt may. Trong bối cảnh tỷ giá có thể biến động mạnh, nếu công ty không có các biện pháp bảo hiểm rủi ro tỷ giá, chi phí nguyên vật liệu sẽ tăng lên và làm giảm lợi nhuận của công ty.

Chính vì vậy, để có thể hạn chế đi những rủi ro này, Công ty hiện đã và đang ngày càng kiểm soát đầy đủ chất lượng từ những bước cơ bản nhất. Hơn nữa, việc điều chỉnh can thiệp vào giá cả đầu vào cũng giúp cho doanh nghiệp thu được nhiều khoản lợi nhuận kỳ vọng hơn.

Bên cạnh đó, biến động lãi suất toàn cầu, đặc biệt là chính sách lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), cũng có thể làm gia tăng chi phí tài chính của HCB. Việc Fed duy trì lãi suất cao nhằm kiểm soát lạm phát khiến chi phí vay bằng USD trở nên đắt đỏ hơn, ảnh hưởng đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty. Đồng thời, nếu lãi suất trong nước có xu hướng tăng để duy trì chênh lệch lãi suất với USD, chi phí vay vốn bằng VND cũng sẽ bị ảnh hưởng, gây áp lực lên dòng tiền và khả năng mở rộng sản xuất của Công ty.

Để giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất và tỷ giá, HCB đã triển khai các biện pháp quản lý tài chính chặt chẽ. Công ty đàm phán với đối tác để điều chỉnh điều khoản hợp đồng, giảm thiểu tác động của biến động tỷ giá, đồng thời thiết lập các cơ chế thanh toán linh hoạt để giảm thiểu ảnh hưởng của tỷ giá vào chi phí sản xuất và dòng tiền. Ngoài ra, HCB cũng sử dụng các công cụ phái sinh tài chính như hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi lãi suất để bảo vệ doanh nghiệp khỏi những biến động bất lợi của thị trường tiền tệ.

# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tổ chức và nhân sự**

**Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**

**Tình hình tài chính**

**Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu**

**Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**





# HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	Tỷ trọng 2023	TH 2024	Tỷ trọng 2024	%TH2023/TH2024
1	Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu	255	0,03%	172	0,02%	67,39%
2	Doanh thu bán thành phẩm	795.998	99,91%	784.779	99,82%	98,59%
3	Doanh thu khác	471	0,06%	1.237	0,16%	262,49%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>796.725</b>	<b>100,00%</b>	<b>786.188</b>	<b>100,00%</b>	<b>98,68%</b>

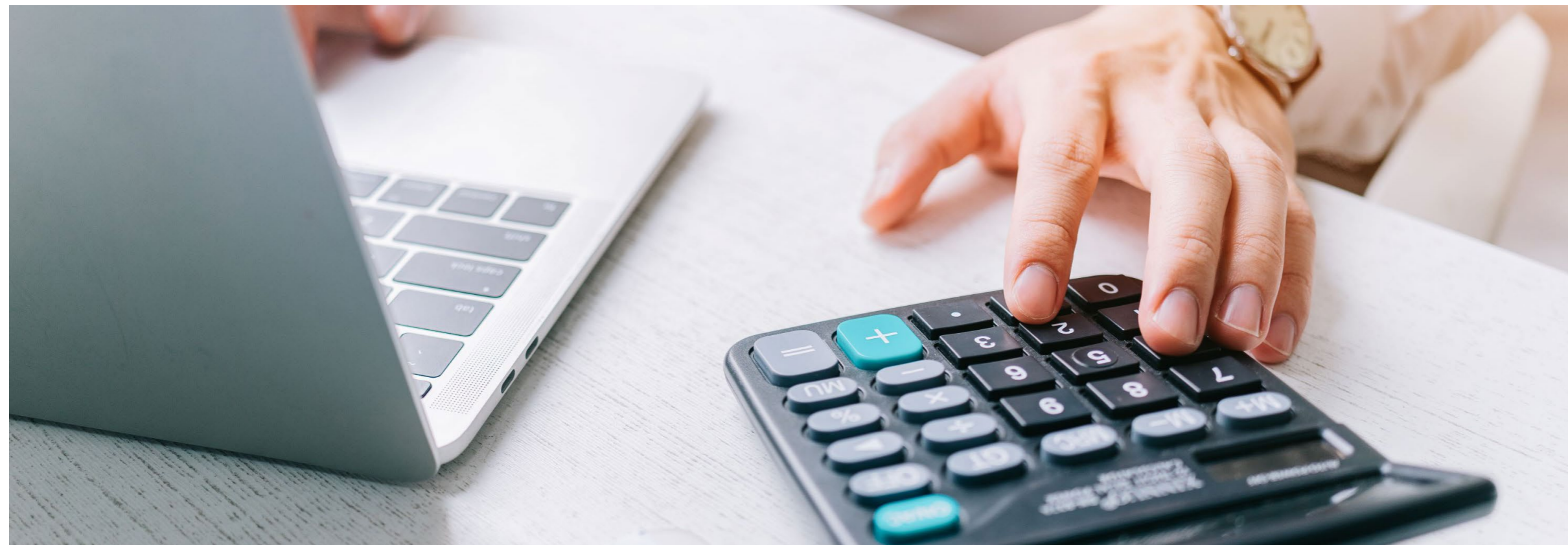
Tổng doanh thu năm 2024 của công ty đạt 786.188 triệu đồng, giảm nhẹ 1,32% (10.537 triệu đồng) so với năm 2023 là 796.725 triệu đồng, chủ yếu vì doanh thu từ bán thành phẩm – phần lớn nhất, chiếm 99,82% – đã giảm 1,41%, từ 795.996 triệu đồng xuống còn 784.779 triệu đồng. Điều này đến từ việc Công ty chuyển từ sản xuất hàng xuất khẩu có giá trị cao sang gia công giá trị thấp hơn, khiến giá trị đơn hàng giảm. Bên cạnh đó, doanh thu khác tăng khá mạnh 162,49%, từ 471 triệu đồng lên 1.237 triệu đồng, nhưng vẫn chưa đủ để bù đắp, dẫn đến tổng doanh thu giảm nhẹ. Tuy nhiên, HCB cần theo dõi sát nhu cầu thị trường và tối ưu chi phí để duy trì đà tăng trưởng bền vững trong tương lai.

## Tình hình so với kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực hoạt động	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So với Kế hoạch 2024	So với cùng kỳ
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	Triệu đồng	1.140.700	1.141.290	100,05%	101,45%
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	840.000	785.991	93,57%	98,66%
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	70.000	55.019	78,60%	83,03%
4	Tổng đầu tư	Triệu đồng	30.000	13.026	43,42%	90,43%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.000	29.190	121,63%	123,20%
6	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	9.000	9.072	100,80%	101,36%
7	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	10-20%	20%	100%	100%

Trong năm 2024, ngành dệt may được đánh giá là có nhiều khởi sắc nhờ vào chu kỳ tăng cầu dệt may cuối năm và sự phát triển của các thị trường chủ lực. Các thị trường xuất khẩu chính từ Việt Nam sang các quốc gia như Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc,... ghi nhận mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu với 14,3% so với cùng kỳ năm trước. Môi trường kinh doanh thuận lợi hơn so với năm 2023 đã tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh



của các doanh nghiệp dệt may. Kết quả là nhiều doanh nghiệp may tại Việt Nam đã đạt được sự tăng trưởng ổn định, nhờ vào tình hình xuất khẩu khả quan và việc nhận đủ đơn hàng đến cuối năm. Năm 2024, Hachiba tuy ghi nhận doanh thu từ hoạt động cốt lõi đạt 785.991 triệu đồng, chỉ đạt 98,66% so với cùng kỳ năm trước và 93,57% so với kế hoạch đã đề ra. Nhưng khoản Lợi nhuận trước thuế của Hachiba lại tăng đáng kể với 29.190 triệu đồng, đạt 123,2% so với cùng kỳ năm trước và 121,63% so với kế hoạch đề ra. Ngoài ra, các khoản Tỷ lệ cổ tức cũng đạt kỳ vọng theo đúng kế hoạch. Điều này phản ánh một xu hướng tăng trưởng tích cực cho ngành dệt may trong tương lai, khi các mô hình sản xuất ngày càng được cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động.



## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### Danh sách Ban điều hành

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT Kiêm Tổng Giám đốc	552.500	10,63%
2	Ông Trần Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	26.900	0,52%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Kế Toán Trưởng	25.274	0,49%

### Lý lịch Ban điều hành

#### Bà **Phạm Thị Xuân Nguyệt - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

**Ngày sinh:** 01/09/1959  
**Nơi sinh:** Quảng Nam  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh

#### Quá trình công tác:

1981 – 1986 : Nhân viên phòng Kế hoạch - XN Công tư Hợp danh 29/3  
1986 – 1990 : Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Nhà máy Dệt 29/3  
1990 – 1999 : Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty Dệt may 29/3  
1999 – 2007 : Phó Giám đốc - Công ty Dệt may 29/3  
2007 – nay : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Dệt may 29/3

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:**

- Nguyễn Xuân Tùng (Con trai): 378.750 cổ phiếu
- Nguyễn Xuân Anh (Chồng): 1.068.916 cổ phiếu
- Nguyễn Thị Song Hiếu (Con dâu): 25.000 cổ phiếu

#### Ông **Trần Xuân Hòa - Phó Tổng Giám đốc**

**Năm sinh:** 01/12/1963  
**Nơi sinh:** Quảng Bình  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị Kinh doanh và Kỹ sư Cơ nhiệt điện

#### Quá trình công tác:

1982 - 1984 : Nhân viên XN Dệt - Xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3  
1984 - 2007 : Trưởng ca sản xuất, Phó quản đốc phân xưởng Dệt, Trưởng phòng cơ điện, Phó giám đốc - Công ty Dệt May 29/3  
2007 - nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dệt may 29/3

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** Không có

#### Bà **Nguyễn Thị Kim Liên - Kế toán trưởng**

**Năm sinh:** 10/09/1982  
**Nơi sinh:** Đà Nẵng  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế Toán

#### Quá trình công tác:

09/2004 - 07/2020 : Nhân viên kế toán Công ty CP Dệt may 29/3  
07/2020 - 05/2021 : Phó phòng kế toán - Công ty CP Dệt may 29/3  
05/2021 - nay : Kế toán trưởng - Công ty CP Dệt may 29/3

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:** không có

### Danh sách thay đổi Ban Điều hành

Không có





## Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>A Theo trình độ</b>			
1	Đại học, trên Đại học	106	4,08%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	79	3,04%
3	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	2.401	92,88%
<b>B Theo tính chất hợp đồng lao động</b>			
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	2.562	98,69%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	34	1,31%
3	Hợp đồng theo thời vụ	-	-
<b>C Theo đối tượng lao động</b>			
1	Lao động trực tiếp	304	11,71%
2	Lao động gián tiếp	2.292	88,29%
<b>D Theo giới tính</b>			
1	Nam	495	19,07%
2	Nữ	2.101	80,93%
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.596</b>	<b>100%</b>

## Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024
Tổng số lượng người lao động (người)	3.408	3.329	3.012	2.596
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8,5	8,92	8,95	9,07

## Chính sách nhân sự

### Về đào tạo

Hachiba nhận thức sâu sắc rằng nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quan trọng và tiên quyết cho sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chính vì vậy, Công ty luôn chú trọng xây dựng các chính sách đào tạo và phát triển nhân viên với mục tiêu nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng và chất lượng đội ngũ lao động, đồng thời tạo điều kiện để người lao động phát triển toàn diện.

HCB thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo bài bản nhằm nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn cho nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn triển khai các kỳ thi, chương trình đánh giá năng lực định kỳ để thúc đẩy tinh thần học hỏi và phát triển nghề nghiệp.

Những hoạt động này không chỉ giúp nhân viên cải thiện kỹ năng làm việc mà còn nâng cao sự tự tin và khả năng thích ứng với những yêu cầu mới trong công việc. Bên cạnh đó, HCB cũng tập trung vào việc lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân viên, qua đó xây dựng các chính sách hỗ trợ phù hợp để tạo ra môi trường làm việc tích cực, nơi mà mỗi cá nhân đều cảm thấy được ghi nhận và khuyến khích phát triển. Nhờ những nỗ lực này, HCB đã tạo dựng được một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, và đầy cảm hứng, giúp nhân viên yên tâm gắn bó lâu dài và đồng hành cùng Công ty trên con đường phát triển.



### Về tuyển dụng

Hachiba luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất, đóng vai trò then chốt trong sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chính vì vậy, HCB sẽ chú trọng xây dựng và thực hiện chính sách tuyển dụng bài bản, đảm bảo tìm kiếm và thu hút những ứng viên có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm, và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của từng vị trí.

Quy trình tuyển dụng tại HCB được thiết kế chặt chẽ và minh bạch, nhằm lựa chọn những ứng viên có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu công việc và có mong muốn gắn bó lâu dài với Công ty. HCB không chỉ đặt mục tiêu tìm

kiếm nhân sự phù hợp mà còn tập trung xây dựng một đội ngũ nhân lực chất lượng cao, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và uy tín của doanh nghiệp. Thông qua chính sách tuyển dụng, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển và thành công lâu dài của HCB trên thị trường.



## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### Chính sách nhân sự

#### Về môi trường làm việc

Tại đây, Hachiba luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, tôn trọng lẫn nhau và tạo điều kiện tốt nhất để nhân viên phát huy năng lực, đặc biệt đối với những lao động có kinh nghiệm và tay nghề cao. Những nỗ lực này không chỉ giúp giữ chân và thu hút nhân tài mà còn là yếu tố quan trọng để duy trì sự tăng trưởng cao và bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ làm việc theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho nhân viên. Người lao động được nghỉ các ngày lễ, tết theo quy định của Luật Lao động, và tùy vào kế hoạch sản xuất, Công ty còn sắp xếp thêm các ngày nghỉ phù hợp để đảm bảo sức khỏe và cân bằng giữa công việc và cuộc sống.

Bên cạnh đó, HCB cam kết xây dựng một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và thân thiện. Công ty đã ban hành các chính sách cụ thể, bao gồm cả video hướng dẫn chi tiết, nhằm nâng cao nhận thức của nhân viên về việc chống đe dọa, quấy rối và lạm dụng tại nơi làm việc. Những chính sách này không chỉ tạo điều kiện để nhân viên cảm thấy an tâm khi làm việc mà còn góp phần thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp tích cực và sự phát triển bền vững của Công ty

#### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Quy trình trả lương cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh tổng thể của đơn vị và mức đóng góp cá nhân của từng người lao động. Áp dụng nguyên tắc trả lương theo hệ số, lương khoán, và lương sản phẩm dựa trên hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo tính công bằng và khuyến khích sự đóng góp tích cực. Đảm bảo việc chi trả lương đầy đủ, đúng thời gian quy định cho người lao động, chi trả bổ sung tiền lương tháng 13 và lương thưởng Tết. Ngoài ra Tổng Công ty chi trả bổ sung tiền thưởng vào các dịp lễ Tết Dương lịch, 30/4, 1/5, lễ Quốc Khánh, chi thưởng thâm niên, lì xì Tết,...

Các chính sách thi đua khen thưởng các tập thể, cá nhân xuất sắc để động viên người lao động có thành tích tốt sáng tạo, năng suất cao. Đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong Tổng Công ty yên tâm công tác, đáp ứng được mức sống cơ bản của người lao động.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### Tình hình đầu tư, dự án

Năm 2024, Công ty tiếp tục đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị cho các xí nghiệp may tại Đà Nẵng và Duy Trung 2, sửa chữa nhà xưởng và trang bị PCCC nhằm tăng cường cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Kế hoạch đầu tư của công ty trong năm 2025

Kế hoạch đầu tư sẽ được công bố tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.



### Công ty con, Công ty liên kết

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
CÔNG TY CỔ PHẦN HACHIBA DUY XUYỀN	Cụm Công nghiệp Tân An, xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	52%	52%	Sản xuất hàng may mặc



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	682.955	544.255	79,69%
2	Doanh thu thuần	796.687	785.991	98,66%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.750	49.915	229,49%
4	Lợi nhuận khác	1.944	(20.724)	-1066,01%
5	Lợi nhuận trước thuế	23.694	29.190	123,20%
6	Lợi nhuận sau thuế	18.879	23.364	123,75%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (trên VĐL)	20%	20%	-

Trong năm 2024, với mức phục hồi và tăng trưởng khá tích cực của ngành Dệt may, cùng với tình hình xuất khẩu sang một số thị trường trọng điểm như Hoa Kỳ, EU,... được cải thiện rõ rệt so với cùng kỳ năm trước, Hachiba đã ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế mà Hachiba đạt được trong năm vừa qua đã tăng từ 23.694 triệu đồng lên 29.190 triệu đồng, tương ứng với mức tăng trưởng 23,20%. Điều này phản ánh sự khởi sắc của doanh nghiệp, chủ yếu nhờ vào sự phục hồi mạnh mẽ của ngành dệt may tại Việt Nam, cũng như khả năng kiểm soát chi phí đầu vào hiệu quả của Công ty trong năm qua.

Bên cạnh đó, một điểm đáng chú ý là tổng giá trị tài sản của Hachiba ghi nhận giảm vào cuối năm 2024, chỉ đạt 79,69% so với cùng kỳ năm trước. Sự giảm sút này không phải là một yếu tố tiêu cực, mà là kết quả của việc đang dẫn được hoàn tất các dự án đầu tư dài hạn, hứa hẹn mang lại hiệu

quả kinh doanh bền vững trong tương lai cho Hachiba. Tổng quan, với những kết quả tích cực từ năm 2024, Hachiba đang trên đà phát triển mạnh mẽ và ổn định, không chỉ khẳng định khả năng duy trì tăng trưởng trong ngắn hạn, mà còn mở ra triển vọng tươi sáng hơn cho các năm tiếp theo.



## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,04	1,05
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,64	0,55
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	78,15	72,16
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	357,61	259,24
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,15	3,539
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,37	1,298
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,37	2,97
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,88	15,54
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quâ	%	2,84	3,81
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,73	6,35



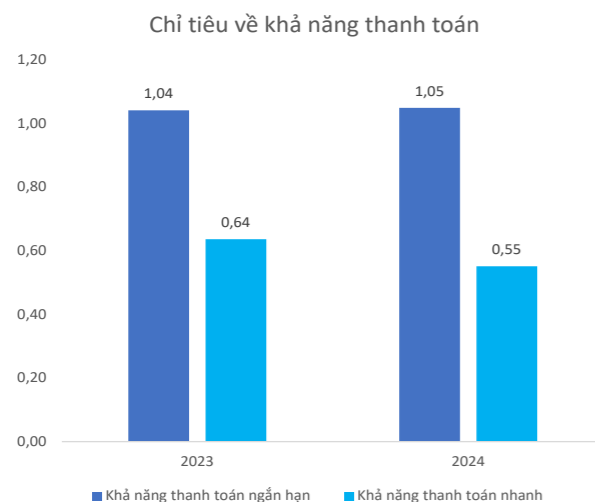
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2024 không có sự thay đổi lớn. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty chỉ tăng nhẹ từ 1,04 lần lên 1,05 lần. Sự cải thiện này chủ yếu đến từ việc Công ty chủ động thực hiện đầu tư thêm các trang Tài sản mới cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Công ty cũng tăng cường các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, góp phần thúc đẩy hiệu quả kinh doanh và gia tăng doanh thu. Tuy nhiên, mặc dù khả năng thanh toán ngắn hạn có sự cải thiện đáng kể, nhưng khả năng thanh toán nhanh lại giảm từ 0,64 lần xuống còn 0,55 lần trong năm 2024. Phần lớn đến từ việc lượng lớn hàng tồn kho vẫn được Công ty duy trì nhằm phục vụ tình huống bùng nổ xuất khẩu lượng lớn, đặc biệt là trong giai đoạn ngành may mặc đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam.

Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty vẫn được kiểm soát hợp lý, nhờ vào sự gia tăng sản lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hachiba tiếp tục duy trì một cơ cấu tài chính ổn định và linh hoạt, xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

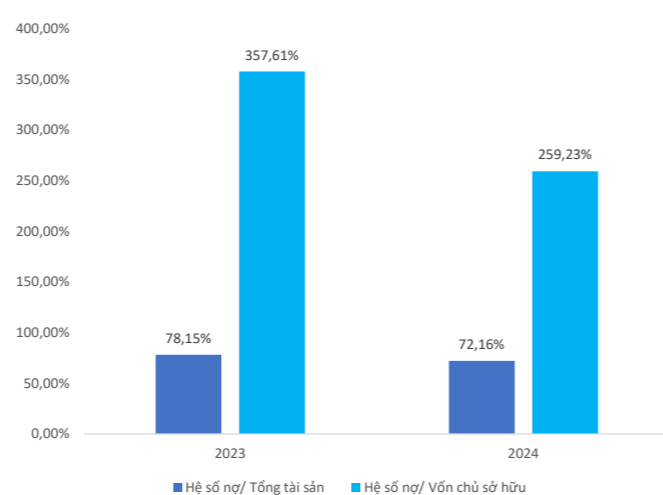


## CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Hệ số cấu trúc vốn của Công ty trong năm 2024 ghi nhận sự giảm mạnh, phản ánh chiến lược quyết liệt trong việc giảm thiểu các khoản nợ phải trả, đặc biệt là nợ ngắn hạn. Điều này giúp doanh nghiệp duy trì một mức độ an toàn tài chính cao hơn và giảm thiểu sự phụ thuộc vào đòn bẩy tài chính. Đồng thời, chính sách khoản chiếm dụng vốn cũng có sự thay đổi đáng kể trong năm qua. Theo đó, Công ty đã không thực hiện các khoản vay dài hạn và chuyển dịch sang phần lớn là các khoản vay ngắn hạn nhằm phục vụ vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Điều này dẫn đến sự thay đổi rõ rệt trong cấu trúc vốn của Công ty, làm tăng tính linh hoạt và hiệu quả tài chính.

Tuy nhiên, mặc dù chiến lược giảm nợ và chiếm dụng vốn giúp cải thiện cơ cấu tài chính, Công ty cũng phải đối mặt với một sự thận trọng cao. Cụ thể, trong bối cảnh giảm lượng hàng tồn kho đáng kể trong năm qua, Công ty đã giảm áp lực tồn kho và nâng cao khả năng thanh khoản. Việc này giúp giảm thiểu tình trạng tắc nghẽn vốn trong kho, từ đó cải thiện tình hình thanh toán nhanh và giảm rủi ro về tài chính.

### CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

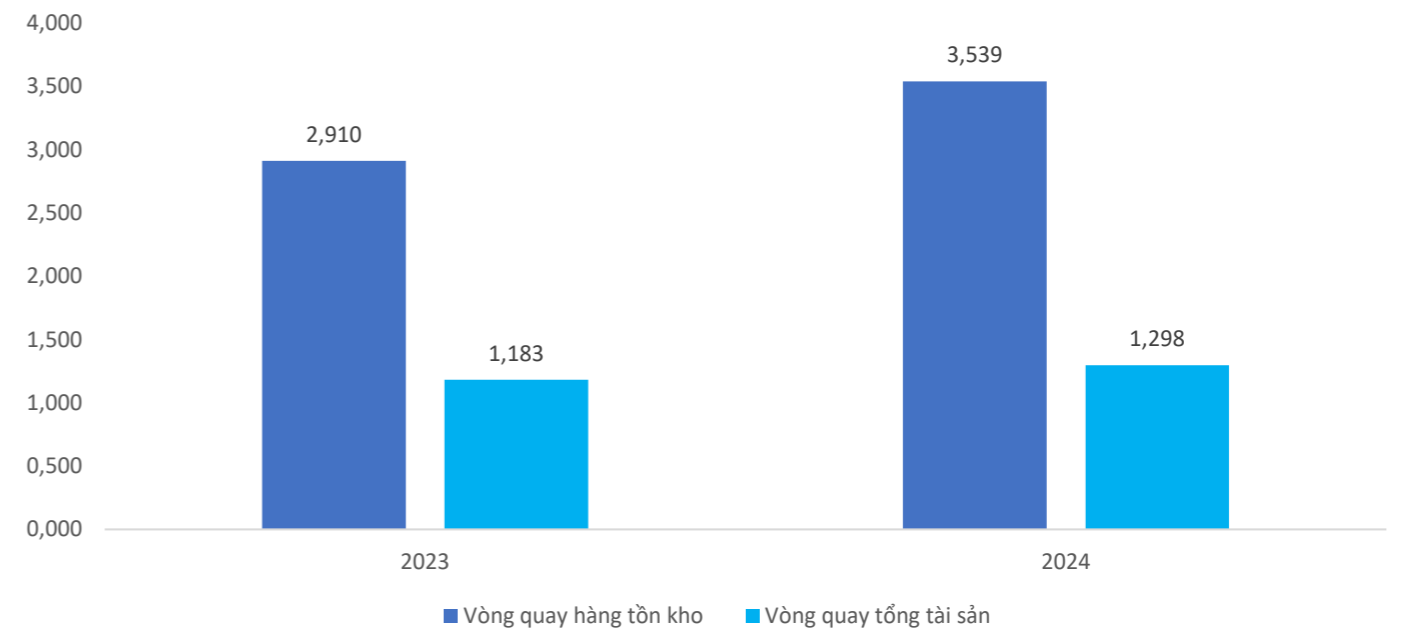


## CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2024 đã ghi nhận sự cải thiện đáng kể so với năm 2023, với chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,910 vòng trong năm 2023 lên 3,539 vòng trong năm 2024. Điều này phản ánh sự hiệu quả trong việc quản lý và luân chuyển hàng tồn kho của Công ty. Cụ thể, giá trị hàng tồn kho bình quân trong năm 2024 đã giảm đáng kể so với năm 2023, với mức giảm hơn 5% so với cùng kỳ năm trước. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy Công ty đã thực hiện tốt việc giải phóng các khoản tồn kho còn lại trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình phục hồi mạnh mẽ trong năm qua. Cải thiện tình hình xuất khẩu cũng góp phần đáng kể vào sự phát triển của Công ty, khi mà việc gia tăng đơn hàng xuất khẩu đã tạo cơ hội cho Hachiba thúc đẩy sản xuất và mở rộng thị trường. Đồng thời, việc hoàn thành các khoản đầu tư dài hạn cũng giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, đóng góp vào sự khởi sắc của hoạt động kinh doanh và sự gia tăng vòng quay tổng tài sản của Công ty. Cụ thể, vòng quay tổng tài sản đã tăng từ 1,183 vòng trong năm 2023 lên 1,298 vòng trong năm 2024.

Nhìn chung, các chỉ tiêu năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2024 đều rất tích cực, nhờ vào sự cải thiện trong quản lý chi phí đầu vào và sự tăng trưởng trong doanh thu thuần. Những yếu tố này hứa hẹn sẽ tiếp tục thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của Công ty trong tương lai, tạo nền tảng vững chắc cho sự bền vững và tăng trưởng lâu dài.

### CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## CHỈ TIÊU VỀ

### KHẢ NĂNG SINH LỜI

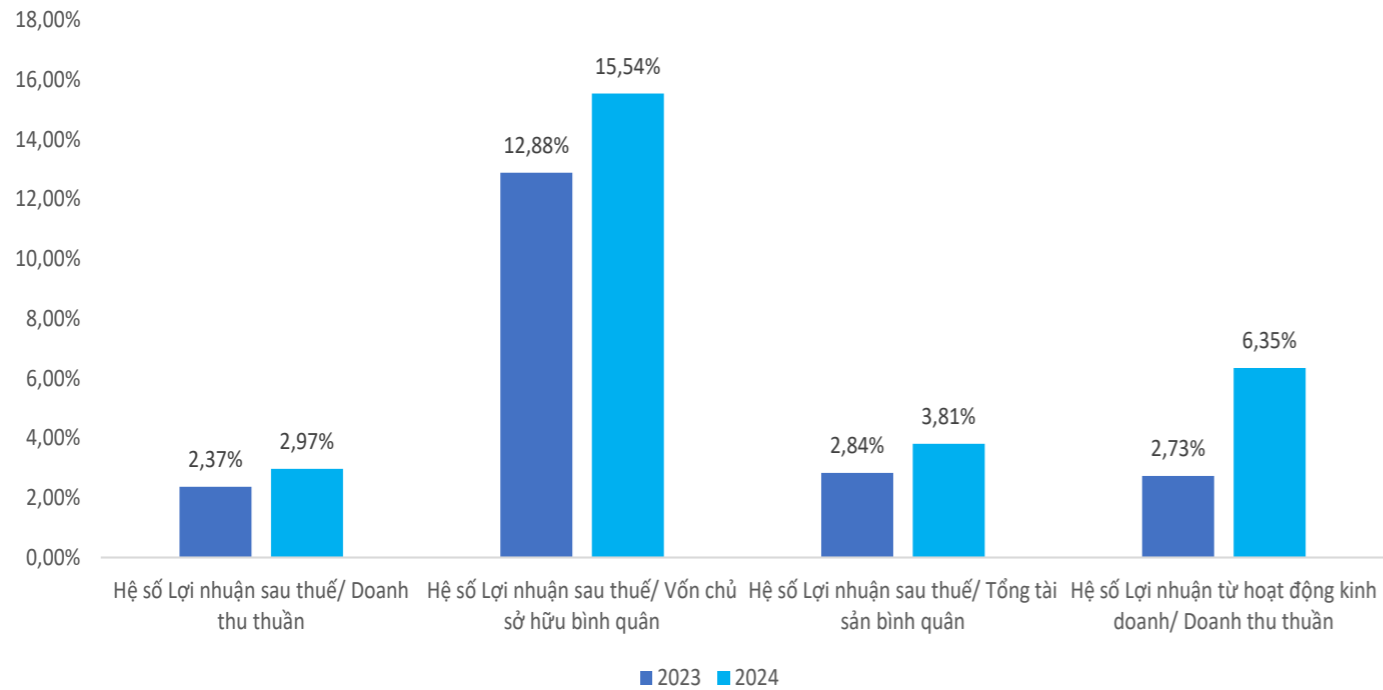
Biểu đồ trên cho thấy bức tranh tổng quan về tình hình kinh doanh của công ty trong hai năm 2023 và 2024. Có thể thấy rõ rằng, đến cuối năm 2024, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều ghi nhận sự tăng trưởng so với cùng kỳ, trong bối cảnh thị trường dệt may tại Việt Nam đang trên đà phát triển. Đồng thời, đây cũng là dấu hiệu rõ rệt của sự tăng trưởng mạnh mẽ của Hachiba trong tương lai.

Cụ thể, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 2,37% (2023) lên 2,97% (2024); Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 12,88% lên 15,54%; Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân tăng từ 2,84% lên 3,81% và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần tăng từ 2,73% lên 6,35%. Một trong những chỉ số ấn tượng nhất là tỷ lệ Lợi nhuận ròng/Vốn chủ sở hữu bình quân, tăng từ 12,88% vào năm 2023 lên 15,54% vào năm 2024. Sự cải thiện này tạo đà phát triển mạnh mẽ cho Hachiba, không chỉ trên thị trường dệt may Việt Nam mà còn trong xuất khẩu ra các thị trường quốc tế, giúp Công ty nổi bật so với các đối thủ cùng ngành.

Đặc biệt, Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần có mức tăng trưởng ấn tượng nhất, từ 2,73% lên 6,35%, cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty đã được cải thiện đáng kể. Điều này chứng tỏ Ban Lãnh đạo Tổng Công ty đã đưa ra những chiến lược kinh doanh phù hợp, đảm bảo kết quả kinh doanh luôn vượt kế hoạch, từ đó duy trì mức độ tăng trưởng ổn định và bền vững như năm vừa qua.

## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời





## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

**TỔNG SỐ CỔ PHẦN  
ĐANG LƯU HÀNH**  
**5.199.274**  
**CỔ PHIẾU**

CỔ PHẦN CHUYỂN  
NHƯỢNG TỰ DO  
**5.199.274**  
CỔ PHIẾU

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN BỊ HẠN  
CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG  
**0**  
CỔ PHIẾU

CỔ PHẦN BỊ HẠN  
CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG  
**0**  
CỔ PHIẾU

MỆNH GIÁ  
**10.000 đồng/cp**  
CỔ PHIẾU

CỔ PHIẾU QUỸ  
**0**  
CỔ PHIẾU

**TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA:** 49%

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

**CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC:** Không có

### Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước			
II	Cổ đông lớn	<b>3.312.026</b>	<b>33.120.260.000</b>	<b>63,70%</b>
1	Trong nước	3.312.026	33.120.260.000	63,70%
2	Ngoài nước	-	-	-
III	Cổ đông khác	<b>1.887.248</b>	<b>18.872.480.000</b>	<b>36,30%</b>
1	Trong nước	1.887.248	18.872.480.000	36,30%
2	Ngoài nước	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.199.274</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>100%</b>

### Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm ( đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn
03/2007	-	15.000.000.000	Công ty cổ phần hóa với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng	UBND và Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Đà Nẵng
07/2007	20.000.000.000	35.000.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
12/2011	7.000.000.000	42.000.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
11/2018	9.992.740.000	51.992.740.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN



**BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN  
ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI  
CỦA CÔNG TY**



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



### Quản lý nguồn nguyên liệu

Hachiba là doanh nghiệp chuyên sản xuất các sản phẩm dệt may, trong đó vải may là nguồn nguyên liệu chính, bên cạnh các phụ liệu như kim, chỉ và các vật liệu phụ trợ khác. Công ty đã xây dựng một hệ thống quản lý nguyên vật liệu hoàn chỉnh, bao gồm toàn bộ quy trình từ đầu vào sản xuất đến khâu đóng gói sản phẩm, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của những khách hàng khó tính. Phần lớn nguyên liệu được lựa chọn kỹ lưỡng từ các nhà cung cấp uy tín, là những đối tác lâu năm đã gắn bó và đồng hành cùng Công ty. Đối với HCB, việc lựa chọn nhà cung ứng là một yếu tố quan trọng hàng đầu. Công ty luôn chú trọng cập nhật thông tin, đánh giá cẩn thận để đảm bảo nguồn nguyên liệu phù hợp, giúp sản xuất ra các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng tiến độ giao hàng, duy trì giá cả hợp lý và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, HCB luôn tối ưu hóa năng lực quản trị hàng tồn kho, đảm bảo sự ổn định trong sản xuất và kinh doanh.

Ngoài ra, Công ty vẫn không ngừng tìm kiếm và mở rộng mạng lưới nhà cung ứng mới nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng. Quy trình lựa chọn nguyên liệu đầu vào được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo chất lượng sản phẩm cuối cùng đạt tiêu chuẩn cao, phù hợp với yêu cầu của thị trường. Bên cạnh đó, Ban quản trị Công ty liên tục phát triển các chiến lược kinh doanh và lưu trữ hàng tồn kho linh hoạt, giúp Công ty thích ứng nhanh chóng với những biến động trong kế hoạch sản xuất, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động, duy trì vị thế cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



### Tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường

Hachiba nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Sự phát triển không ngừng của xã hội mang lại nhiều lợi ích to lớn nhưng cũng đặt ra không ít thách thức, như ô nhiễm môi trường, an toàn thực phẩm, bệnh dịch mới, cạn kiệt tài nguyên, cùng những tác động nghiêm trọng từ biến đổi khí hậu, thiên tai và lũ lụt. Vì vậy, trách nhiệm bảo vệ môi trường không chỉ là nhiệm vụ của từng quốc gia mà còn là trách nhiệm chung của mọi doanh nghiệp và cá nhân.

Với phương châm không ngừng đổi mới và phát triển để đáp ứng nhu cầu thị trường, đồng thời bắt kịp xu hướng “sản xuất xanh” trên toàn cầu, Hachiba luôn nỗ lực hướng đến nền kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững. Công ty cam kết xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp thân thiện với môi trường, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ môi trường. Quy trình sản xuất tại Hachiba được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái, đồng thời góp phần tạo nên một tương lai xanh cho cộng đồng.

Nhìn chung, Hoạt động thị trường vốn xanh là một hoạt động mới được triển khai bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhằm hỗ trợ và thúc đẩy phát triển xanh của các công ty. Chính sách này được ban hành để định hướng hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam đến lợi ích của môi trường và nâng cao ý thức của các doanh nghiệp về vấn đề bảo vệ môi trường. HCB đặc biệt quan tâm và cập nhật thông tin mới nhất về hoạt động thị trường vốn xanh, và hiện đang định hướng xây dựng các kế hoạch phát triển xanh nhằm góp phần vào việc bảo vệ môi trường và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.



# PHÁT THẢI KHÍ 92,61 tấn CO<sub>2</sub>



## Tiêu thụ năng lượng

Theo Hiệp hội Dệt May Việt Nam, ngành dệt may tại Việt Nam tiêu thụ khoảng 3 tỷ USD năng lượng mỗi năm, chiếm 8% tổng nhu cầu năng lượng quốc gia và thải ra khoảng 5 triệu tấn CO<sub>2</sub> mỗi năm. Hiện tại, có 294 doanh nghiệp trong ngành phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo Nghị định 06/2022/NĐ-CP. Phát biểu tại một hội thảo, ông Nguyễn Tuấn Quang, Phó Cục trưởng Cục Biến đổi Khí hậu, nhấn mạnh rằng ngành dệt may không chỉ hướng tới mục tiêu trở thành ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam mà còn cần sớm triển khai kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải để tránh những ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và kinh doanh. Điện năng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của các nhà máy và văn phòng, và mọi hành động tiết kiệm năng lượng, dù nhỏ nhất, đều góp phần bảo vệ môi trường sống. Hòa chung tinh thần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, HCB đã đưa ra các chiến dịch cụ thể nhằm giảm thiểu tác động môi trường, góp sức vào nỗ lực quốc gia vì một tương lai xanh hơn

Trong năm 2024, HCB đã tiêu thụ 92,61 tấn CO<sub>2</sub> và 3.991.474 Kwh, một con số đáng chú ý trong bối cảnh doanh nghiệp ngày càng phải đối mặt với áp lực từ các quy định môi trường và các cam kết phát triển bền vững. Nhận thức được trách nhiệm trong việc giảm thiểu tác động môi trường, HCB đã triển khai nhiều giải pháp cụ thể nhằm tiết kiệm năng lượng và tối ưu hóa mức tiêu thụ điện tại nhà máy và văn phòng

- Toàn bộ công nhân viên hưởng ứng Giờ Trái đất và giảm lượng tiêu thụ điện trong quá trình hoạt động sản xuất, sinh hoạt,...
- Theo dõi chặt chẽ điện năng tiêu thụ hằng tháng để kịp thời đưa ra các giải pháp hành động tiết giảm năng lượng.
- Xây dựng văn hóa nội bộ bảo vệ môi trường thông qua tăng cường phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên ảnh hưởng tiêu cực của sử dụng lãng phí, từ đó nâng cao ý thức chung “tắt khi không sử dụng”.
- Trang bị thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như bóng đèn tiết kiệm điện, đảm bảo công suất chiếu sáng với tuổi thọ cao, lắp timer (hẹn giờ) cho các máy nước uống. Song song đó, có cơ chế kiểm tra bảo dưỡng sửa chữa thay mới máy móc thiết bị, thường xuyên vệ sinh máy lạnh để tránh tiêu hao năng lượng.
- Khuyến khích người lao động không ngừng suy nghĩ tìm tòi sáng kiến cải tiến để giảm thiểu tối đa năng lượng sử dụng tại mỗi nhà máy, phòng ban tại văn phòng.
- Chỉ định đội ngũ chịu trách nhiệm quản lý điện năng với nhiệm vụ lập kế hoạch và báo cáo việc quản lý năng lượng hằng tháng/năm. Đây cũng là đơn vị triển khai, đánh giá hiệu quả thực thi các giải pháp tiết kiệm năng lượng.



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TT)

### Tiêu thụ nước

Nước – một nguồn tài nguyên quý giá, không thể thay thế, đang phải đối mặt với nguy cơ ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng. Đặc biệt, tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng gia tăng, dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nước sạch. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến các hệ sinh thái tự nhiên mà còn đe dọa sự tồn tại của các cộng đồng và nền kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước đã trở thành một vấn đề cấp bách và cần thiết hơn bao giờ hết.

Trong năm vừa qua, Hachiba đã nỗ lực hết mình trong việc tối ưu hóa và kiểm soát sử dụng nước. Cụ thể, Công ty đã sử dụng tổng cộng 116.681 m<sup>3</sup> nước và thực hiện tái chế 11.676 m<sup>3</sup> lượng nước sử dụng trong quá trình sinh hoạt sản xuất kinh doanh, đạt mức tăng 3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là một kết quả đáng khích lệ, phản ánh sự nghiêm túc và cam kết của Hachiba đối với việc giảm thiểu tác động môi trường từ hoạt động sản xuất. Việc tái chế nước không chỉ giúp tiết kiệm tài nguyên mà còn góp phần quan trọng trong việc giảm thiểu lượng nước thải ra môi trường, hỗ trợ bảo vệ nguồn tài nguyên quý giá này cho thế hệ mai sau.

Đặc biệt trong ngành dệt may, việc sử dụng nước là một thách thức lớn, đặc biệt ở công đoạn nhuộm, khi nhu cầu nước rất cao và khó kiểm soát. Hachiba đã chủ động áp dụng các biện pháp tiết kiệm tài nguyên nước, từ tái sử dụng nước đến xây dựng hệ thống xử lý nước thải tiên tiến. Công ty đã triển khai mô hình tuần hoàn nước, trong đó chất lượng nước đầu vào được kiểm tra và kiểm soát chặt chẽ ngay từ ban đầu. Điều này không chỉ đảm bảo hiệu quả sử dụng nước mà còn giảm thiểu lãng phí tài nguyên.

Bên cạnh đó, Hachiba đã đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống xử lý nước ứng dụng công nghệ cao, giúp đảm bảo rằng nước thải đầu ra luôn đạt tiêu chuẩn môi trường, góp phần giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Công ty cũng duy trì việc quản lý nghiêm ngặt các vấn đề liên quan đến nguồn nước trong toàn bộ quá trình vận hành, từ sản xuất đến xử lý, đảm bảo không chỉ đáp ứng yêu cầu về hiệu quả kinh tế mà còn đạt tiêu chuẩn bền vững về môi trường.





## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TT)

### Chính sách liên quan đến người lao động

Trong năm qua, Hachiba đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động như đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trích nộp kinh phí công đoàn và hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định. Ngoài ra, Công ty cũng luôn quan tâm đến sức khỏe người lao động thông qua việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, duy trì khám chữa bệnh, chăm lo bữa ăn ca tại chỗ và hỗ trợ kịp thời những trường hợp khó khăn.

Bên cạnh đó, Hachiba cũng chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động bằng cách tổ chức các chương trình đào tạo định kỳ và các buổi tuyên truyền pháp luật. Hơn nữa, Công ty cũng tạo điều kiện cho người lao động được nghỉ lễ, Tết theo quy định, đồng thời bố trí thêm ngày nghỉ phù hợp.

Đặc biệt, vào dịp Tết Nguyên đán vừa qua, Hachiba đã đảm bảo đầy đủ các chế độ chăm lo Tết, thanh toán tiền lương, thưởng tháng 13 với mức bình quân hơn 9 triệu đồng/người và sắp xếp thời gian nghỉ sản xuất hợp lý để người lao động có thể về quê ăn Tết.

Nhìn chung, Hachiba luôn nỗ lực xây dựng môi trường lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, đảm bảo việc làm, thu nhập, từ đó tạo điều kiện để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với công ty.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công tác xã hội - từ thiện được Công ty tiếp tục thực hiện tích cực như phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, hỗ trợ xây nhà cho gia đình đặc biệt khó khăn, đóng góp Quỹ Vì người nghèo; phòng, chống thiên tai; tấm lòng vàng và các hoạt động xã hội khác



# 03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tình hình tài chính**

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý**

**Kế hoạch phát triển trong tương lai**

**Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội**





# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

### Thuận lợi

Năm 2024, ngành công nghiệp tiếp tục duy trì xu hướng phục hồi mạnh mẽ. Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính tăng 8,4% so với năm trước, đạt mức cao nhất kể từ năm 2020. Đặc biệt, ngành dệt may ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng với chỉ số sản xuất tăng 12,1%, trong khi sản xuất trang phục tăng 11,7%. Những con số này không chỉ đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp mà còn góp phần thúc đẩy GDP quốc gia trong năm qua.

Trong bối cảnh đó, Công ty đã không ngừng đổi mới và sáng tạo để khẳng định vị thế trên thị trường. Một trong những yếu tố then chốt là tập trung đào tạo đội ngũ nhân sự trẻ trung, nhiệt huyết, góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả kinh doanh. Đồng thời, sự lãnh đạo của đội ngũ giàu kinh nghiệm đã giúp công ty xây dựng và triển khai các chiến lược tối ưu, mang lại những kết quả tích cực.

### Khó khăn

Dù đã đạt được nhiều dấu hiệu phục hồi tích cực, Công ty vẫn đối mặt với không ít khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Một trong những trở ngại lớn là chi phí sản xuất đầu vào tiếp tục duy trì ở mức cao, gây áp lực đáng kể đến hiệu quả kinh doanh. Chỉ số giá sản xuất và giá nguyên vật liệu phục vụ sản xuất năm 2024 đều tăng so với năm trước, trong đó, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 5,86% so với cùng kỳ năm ngoái.

Bên cạnh đó, tình trạng lao động nghỉ việc do xu hướng chuyển dịch về địa phương làm việc đã ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn nhân lực của Công ty trong thời gian qua. Điều này đặt ra thách thức lớn trong việc duy trì và ổn định lực lượng lao động để đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Nhờ uy tín vững chắc với các đối tác và kinh nghiệm trong việc vượt qua thách thức, trong năm 2024, Công ty đã duy trì hợp tác ổn định với các khách hàng truyền thống và mở rộng khai thác thêm thị trường mới, cụ thể là thị trường Ấn Độ. Đây được cho là bước tiến phát triển mới cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai của Hachiba.

Những nỗ lực không ngừng nghỉ này đã tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Công ty, đóng góp vào thành công chung của ngành công nghiệp trong năm qua.

Ngoài ra, các rủi ro kinh tế vĩ mô như lãi suất ngân hàng tăng cao, lạm phát, và chi phí sản xuất leo thang cũng tạo ra những áp lực đáng kể, ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Những yếu tố này đòi hỏi Công ty cần tiếp tục theo dõi, phân tích và áp dụng các giải pháp kịp thời nhằm giảm thiểu tác động và duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

## Những tiến bộ đạt được

Trước những thách thức từ năm 2024, Công ty đã chủ động thích ứng với sự thay đổi của thị trường và nhu cầu khách hàng thông qua nhiều giải pháp hiệu quả. Trong đó, việc tiếp tục phát huy sản xuất kinh doanh xuất khẩu sang các thị trường ngoài nước và hợp tác với các khách hàng tiềm năng đã giúp Công ty tạo ra nguồn đơn hàng ổn định. Đồng thời, Công ty cũng tái cơ cấu dây chuyền sản xuất và thực hiện các cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, việc tập trung đào tạo đội ngũ công nhân đa kỹ năng đã giúp Công ty tăng cường năng lực sản xuất và giảm thiểu phụ thuộc vào lao động chuyên môn hóa. Những nỗ lực này không chỉ đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất mà còn giúp Công ty ổn định việc làm và thu nhập cho gần 2.600 lao động.

Trong bối cảnh nhiều nhà máy khác phải giảm giờ làm hoặc cho công nhân nghỉ việc do thiếu đơn hàng, thành tựu của Công ty là minh chứng cho khả năng ứng phó linh hoạt và chiến lược quản lý hiệu quả. Những tiến bộ này đã đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty trong năm 2024 và những năm tiếp theo.



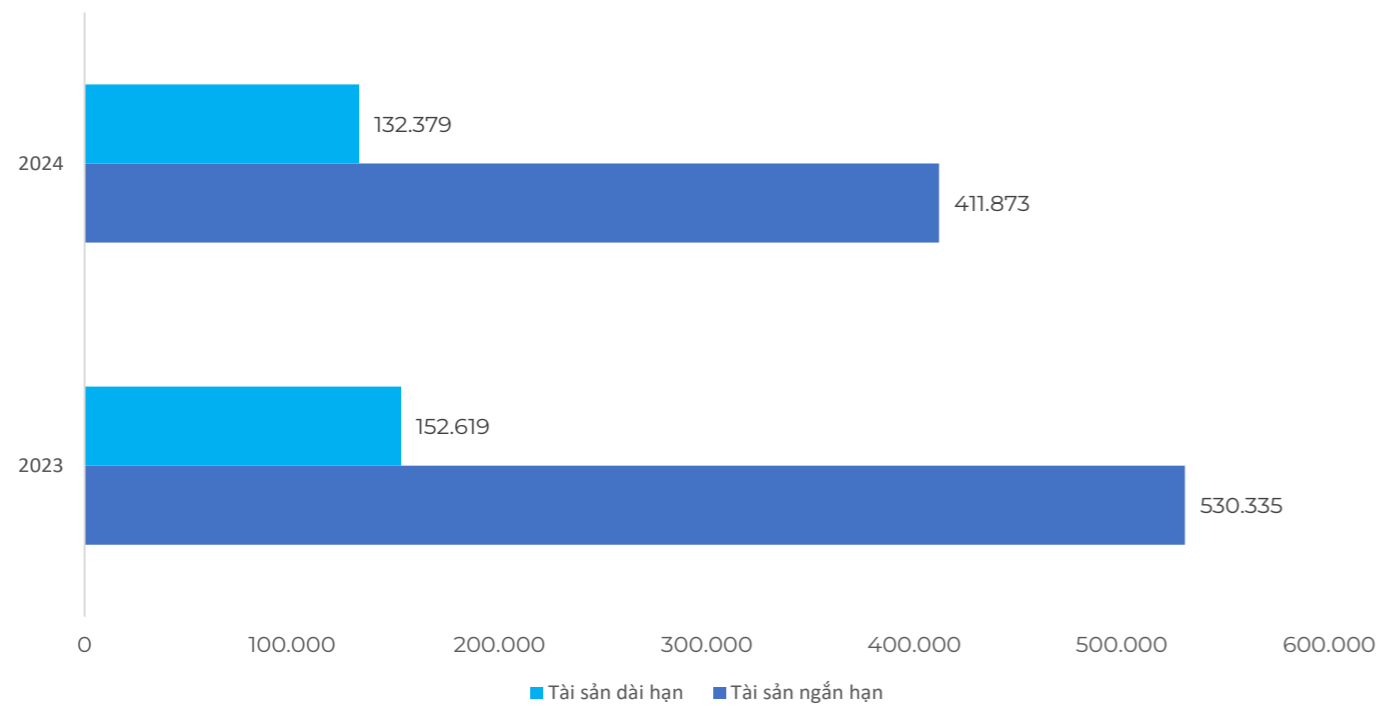


# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% 2024/2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	530.335	77,65%	411.873	75,68%	77,66%
Tài sản dài hạn	152.619	22,35%	132.379	24,32%	86,74%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>682.955</b>	<b>100%</b>	<b>544.255</b>	<b>100,00%</b>	<b>79,69%</b>



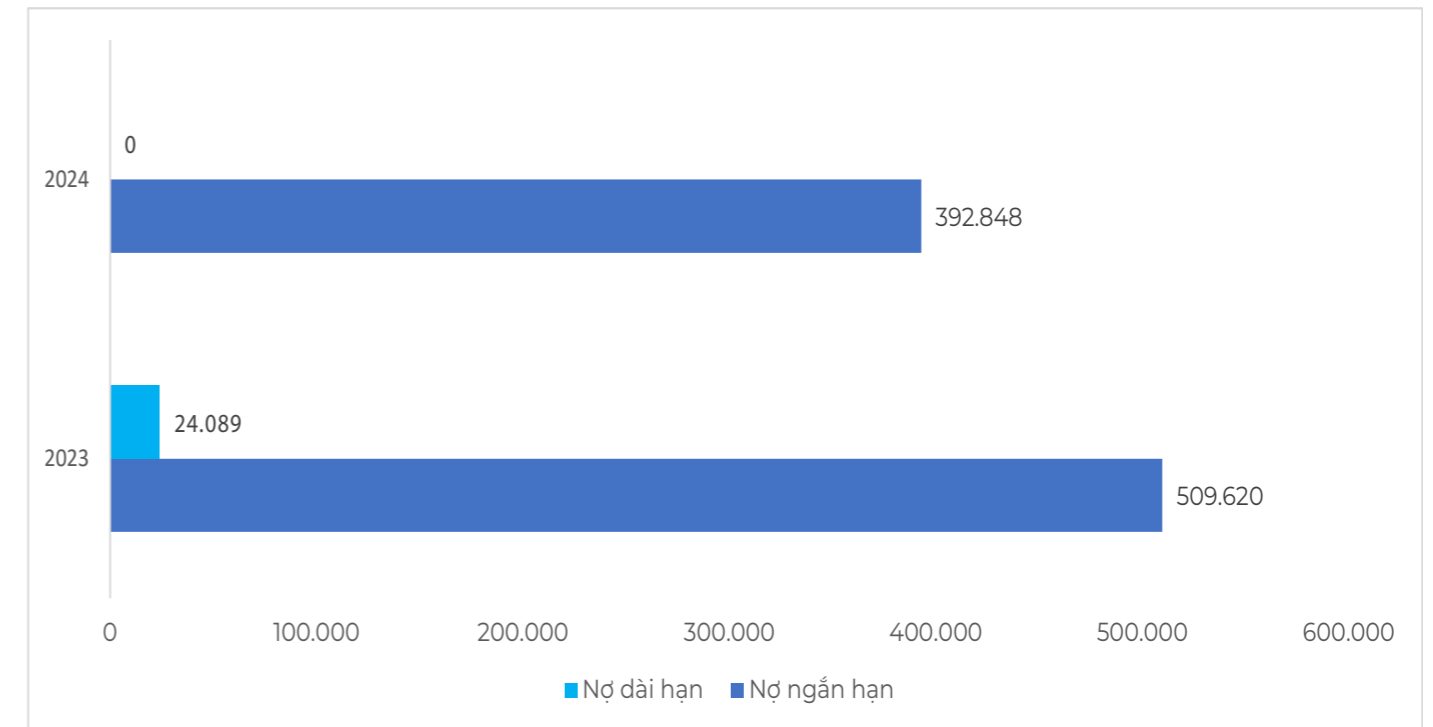
Doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc có đặc điểm thâm dụng lao động, do đó tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn thường chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài chính của Công ty. Trong năm qua, tài sản ngắn hạn giảm từ 530.335 triệu đồng (77,65%) xuống 411.873 triệu đồng (75,68%), tài sản dài hạn giảm từ 152.619 triệu đồng (22,35%) xuống 132.379 triệu đồng (24,32%), và tổng tài sản giảm từ 682.955 triệu đồng xuống 544.255 triệu đồng (giảm 20,30%). Đặc biệt, phần lớn các khoản đầu tư dài hạn của HCB đang dần hoàn thiện, đặc biệt là dự án Xí nghiệp Duy Trung II – một trong những dự án lớn nhất của Công ty trong những năm ở lại đây đã được hoàn thiện, dẫn đến sự giảm đáng kể của các khoản tài sản này. Qua đó, phản ánh chiến lược phát triển dài hạn của HCB đang là rất triển vọng và thúc đẩy mạnh vào sản xuất kinh doanh, tạo ra một bước tiến khởi sắc cho Công ty trong tương lai.

Bên cạnh đó, HCB đã tối ưu hóa nguồn lực tài chính trong năm qua, tập trung vào các hoạt động cốt lõi, đồng thời giảm thiểu các chi phí không cần thiết để hướng tới mục tiêu sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn. Điều này được thể hiện rõ nhất qua việc các khoản lợi nhuận thu vào của doanh nghiệp trong năm vừa qua đã tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ năm trước.

## Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% 2024/2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	509.620	95,49%	392.848	100,00%	77,07%
Nợ dài hạn	24.089	4,51%	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>533.709</b>	<b>100%</b>	<b>392.848</b>	<b>100,00%</b>	<b>73,59%</b>



Tình hình tài sản của Công ty trong năm vừa qua cho thấy sự cải thiện rõ rệt. Trong năm qua, Công ty cũng đã ghi nhận nợ ngắn hạn giảm từ 509.620 triệu đồng xuống 392.848 triệu đồng, trong khi nợ dài hạn giảm từ 24.089 triệu đồng xuống 0 triệu đồng. Tổng nợ phải trả giảm từ 533.709 triệu đồng xuống 392.751 triệu đồng, tương ứng mức giảm 42,51%, và chỉ đạt 73,59% so với năm 2023. Tài sản ngắn hạn của Công ty cũng ghi nhận sự giảm sút đáng kể, từ 509.620 triệu đồng xuống chỉ còn 392.751 triệu đồng trong năm vừa qua. Các khoản vay của Công ty, bao gồm vay phục vụ cho thuê tài chính và chi trả cho người bán, cũng được giảm đáng kể, giúp Công ty giảm bớt gánh nặng tài chính và tập trung nhiều hơn vào mảng kinh doanh cốt lõi. Thêm vào đó, các khoản vay dài hạn của Công ty đã được tất toán hoàn toàn, và Công ty không thực hiện vay mới trong năm qua.

Những thay đổi này cho thấy rõ chiến lược của Công ty trong việc chuyển dần sang sử dụng vốn tự có thay vì dựa vào vay nợ, giúp giảm áp lực tài chính và mang lại sự ổn định trong quá trình vận hành doanh nghiệp.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Thực hiện khảo sát ý kiến từ các nhà phân phối nhằm thu thập phản hồi và đề xuất cải thiện chất lượng dịch vụ nhằm tăng cường đào tạo đội ngũ nhân viên, nâng cao tính chuyên nghiệp trong quá trình làm việc và tương tác với khách hàng..
- Đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị, tập trung đáp ứng nhu cầu khách hàng mục tiêu. Xây dựng lòng tin với khách hàng thân thiết và triển khai chiến lược thu hút khách hàng mới, gia tăng sự gắn bó với thương hiệu.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty và các xí nghiệp, tối ưu hóa quy trình quản lý. Tập trung cải tiến năng suất và chất lượng đối với các đơn hàng nhỏ, lẻ và có yêu cầu kỹ thuật cao, nhằm đảm bảo thu nhập ổn định cho công nhân.
- Tăng cường tuyển dụng lao động và tổ chức đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trưởng, kỹ thuật viên tại các xí nghiệp và chú trọng kỹ năng cân bằng chuyển để sản xuất các đơn hàng nhỏ, khó và phức tạp, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Công ty ko ngừng cải tiến để tăng năng suất lao động để cải thiện tiền lương cho người lao động. Cũng như áp dụng chuyển đổi số hóa vào trong quản lý Công ty để giảm bớt chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

STT	Lĩnh vực hoạt động	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	KH2025/ TH2024
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	Triệu đồng	1.141	1.160	102%
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	786	800	102%
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	55	56	102%
4	Tổng đầu tư	Triệu đồng	13	50	384%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	29	30	103%
6	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/ người/ tháng	9,1	9,3	103%
7	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	20%	25%-35%	100%





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (TT)

### Kế hoạch đầu tư trong năm 2025

Công ty đang đẩy mạnh mở rộng sản xuất kinh doanh thông qua tăng cường đầu tư và cải tiến quy trình sản xuất. Trước hết, công ty chú trọng thúc đẩy sáng kiến và sáng chế theo hệ thống “Ý tưởng vàng” nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất và tiết kiệm chi phí. Chính sách khen thưởng kịp thời được áp dụng để khuyến khích sự sáng tạo và đóng góp tích cực từ nhân viên. Đồng thời, công ty đầu tư mạnh vào đổi mới công nghệ, áp dụng các giải pháp quản lý và tổ chức sản xuất tiên tiến để nâng cao năng suất lao động. Việc sử dụng phần mềm thiết kế 3D giúp đa dạng hóa sản phẩm và tối ưu hiệu quả kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, công ty triển khai lộ trình xây dựng các nhà máy đạt tiêu chuẩn “nhà máy xanh”, thân thiện với môi trường. Mục tiêu đến cuối năm 2025 là hoàn thành quá trình xanh hóa toàn bộ nhà máy tại Đà Nẵng và Duy Xuyên (Quảng Nam), phù hợp với xu hướng phát triển bền vững của thị trường.

Cuối cùng, công ty đẩy mạnh số hóa dữ liệu tại các đơn vị, kho nguyên liệu, phụ liệu và thành phẩm nhằm tạo ra một hệ thống dữ liệu liên kết, hỗ trợ quản lý sản xuất và nghiệp vụ chuyên môn. Đồng thời, cải tiến hệ thống KPI để đánh giá hiệu quả công việc, nâng cao năng suất lao động của cán bộ, nhân viên



### Giải pháp mà Công ty đưa ra để ổn định sản xuất và đảm bảo mức tăng trưởng trong năm 2025

Trong năm qua, Công ty đã tổ chức duy trì hiệu quả hệ thống quản lý năng suất, kiểm soát số liệu theo thời gian thực ở tất cả các công đoạn nhằm cân bằng sản xuất và kiểm soát tiến độ. Đồng thời, nghiên cứu cải tiến để nâng cao năng suất lao động tại các xí nghiệp, đặc biệt trong điều kiện đơn hàng nhỏ, giá CM thấp, nhằm đảm bảo kế hoạch sản xuất, đáp ứng yêu cầu khách hàng và đảm bảo thu nhập cho người lao động. Công tác chuẩn bị sản xuất, chuyển đổi mã hàng, đào tạo kỹ năng và thao tác cho công nhân được tổ chức bài bản nhằm tối ưu hóa quá trình chuyển đổi và nâng cao năng suất. Cụ thể, trong đó Công ty tiếp tục thực hiện:

- Tăng cường quản lý, duy trì kỷ cương và kỷ luật lao động theo nội quy công ty và mô hình Lean nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động và gia tăng năng suất tại các xí nghiệp.
- Đẩy mạnh sáng kiến, sáng chế theo hệ thống “Ý tưởng vàng” để cải tiến sản xuất, tiết kiệm chi phí, đồng thời áp dụng chế độ khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích sự sáng tạo.
- Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin để số hóa dữ liệu tại các đơn vị, hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu liên kết, hỗ trợ công tác quản lý sản xuất và nghiệp vụ chuyên môn.
- Đảm bảo cân đối nguồn vốn, dòng tiền nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, thanh toán tín dụng, chi trả cho khách hàng và người lao động vào cuối năm. Phân tích hoạt động tài chính, đánh giá rủi ro về vay ngân hàng, công nợ khách hàng, tồn kho... để có giải pháp bảo vệ an toàn vốn.
- Kiểm soát chặt chẽ nguyên phụ liệu, đặc biệt với các đơn hàng FOB, đảm bảo quyết toán nhập - xuất - tồn theo đúng quy định với khách hàng và Hải quan. Đồng thời, quản lý chặt tồn kho và đưa ra giải pháp xử lý kịp thời nhằm thu hồi vốn.
- Vận hành hiệu quả phần mềm quản lý sản xuất Bravo 8 tại các đơn vị nhằm nâng cao năng lực quản lý.
- Duy trì công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, PCCC, khám chữa bệnh và nâng cao chất lượng bữa ăn ca để đảm bảo sức khỏe cho công nhân.
- Từng bước xây dựng các nhà máy đạt tiêu chuẩn “nhà máy xanh”, tiết kiệm điện, nước, giảm phát thải môi trường nhằm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu vào EU và yêu cầu của khách hàng.
- Duy trì và nâng cao hiệu quả các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001:2015, WRAP (trách nhiệm xã hội), C-TPAT (an ninh chuỗi cung ứng) và các tiêu chuẩn chất lượng của khách hàng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất để hoàn thành kế hoạch SX-KD và mục tiêu chất lượng năm 2024. Tổ chức khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhằm động viên tinh thần làm việc, nâng cao hiệu quả sản xuất.

### Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán

Vì ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần nên Ban Tổng Giám đốc Công ty không có giải trình gì thêm



# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Công ty luôn nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và coi rằng đây không chỉ là một phần trong hoạt động kinh doanh nhằm tạo ra lợi nhuận mà còn là trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với môi trường và xã hội. Ban lãnh đạo đã đề ra nhiều biện pháp thiết thực, bao gồm sử dụng tiết kiệm năng lượng và nguồn nước, xử lý chất thải một cách khoa học để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh. Đồng thời, Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp để thảo luận, đề xuất giải pháp tối ưu hóa hoạt động kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường. Việc phân loại chất thải tại khu vực văn phòng cũng được triển khai nhằm nâng cao ý thức của từng nhân viên và gia đình họ, không chỉ góp phần duy trì mỹ quan nơi làm việc mà còn cải thiện môi trường sống của cộng đồng.

Ngoài ra, Công ty vẫn đang thực hiện tốt lộ trình xây dựng các nhà máy đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh thân thiện với môi trường: quyết tâm đến cuối năm 2025 sẽ xanh hóa toàn Công ty tại Đà Nẵng cũng như Duy Xuyên - Quảng Nam trong xu thế phát triển bền vững tương lai. Bên cạnh đó, công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, PCCC, khám, chữa bệnh và nâng cao chất lượng ăn ca vẫn được tiếp tục thực hiện nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân viên.

## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng chăm lo toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân viên, xem đây là yếu tố cốt lõi góp phần tạo nên sự sáng tạo và phát triển bền vững. Trong năm qua, Công ty đã xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý, công bằng và dựa trên năng lực cùng đóng góp của từng nhân viên, giúp mức lương trung bình tăng đáng kể, tạo động lực mạnh mẽ trong công việc. Bên cạnh đó, các chính sách như tổ chức kỳ nghỉ, du lịch và hoạt động nội bộ đã mang lại những giây phút thư giãn, đồng thời tăng cường tinh thần đoàn kết giữa các phòng ban.

Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến sức khỏe và phúc lợi của người lao động. Các loại bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn được thực hiện đầy đủ theo quy định. Trạm Y tế thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ để phát hiện bệnh nghề nghiệp và chăm sóc y tế ban đầu thông qua thẻ bảo hiểm, đảm bảo người lao động yên tâm làm việc. Bữa ăn ca tại chỗ được cải thiện về chất lượng, tuyệt đối không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tặng quà vào các dịp lễ, tết, kỷ niệm ngày thành lập và sinh nhật nhân viên, đồng thời hỗ trợ phụ cấp cho nữ công nhân nuôi con nhỏ. Đối với những trường hợp gặp khó khăn như ốm đau, tai nạn, Công ty luôn hỗ trợ kịp thời để chia sẻ gánh nặng.

Những chính sách chăm sóc toàn diện này không chỉ nâng cao tinh thần làm việc và sự hài lòng của nhân viên mà còn góp phần thúc đẩy hiệu quả kinh doanh và đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

HCB luôn cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường của pháp luật và địa phương, coi đây là một phần quan trọng trong hoạt động kinh doanh bền vững. Không chỉ tập trung vào mục tiêu lợi nhuận, Công ty còn chú trọng cải thiện chất lượng dịch vụ thông qua việc triển khai các chương trình tiết kiệm năng lượng và phân loại rác tại văn phòng. Đồng thời, HCB thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo và hướng dẫn nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ, công nhân viên.

Công ty đảm bảo rằng mọi nhân viên ở tất cả các bộ phận đều hiểu rõ chính sách và mục tiêu chất lượng môi trường của HCB, cũng như các mục tiêu cụ thể của bộ phận mình. Điều này không chỉ tạo nên một môi trường làm việc tích cực mà còn thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường trong mỗi cá nhân, góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp trách nhiệm và thân thiện với môi trường.

Với tinh thần trách nhiệm xã hội, HCB cam kết tiếp tục lan tỏa giá trị này, đóng góp vào sự phát triển bền vững của địa phương và cộng đồng. Các nỗ lực này không chỉ khẳng định vai trò của HCB như một doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội mà còn tạo nền tảng vững chắc để thúc đẩy sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty.





# 04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt  
hoạt động của Công ty**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của  
Ban Tổng Giám đốc công ty**

**Các kế hoạch, định hướng phát triển của Hội đồng  
quản trị**





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Với nhiều sự kiện nổi bật của thế giới diễn ra trong năm 2024 như sự bùng nổ của công nghệ AI, sự đắc cử của tổng thống Mỹ Donald Trump, xung đột Nga – Ukraine leo thang, xung đột Trung Đông lan rộng... đã làm ảnh hưởng rất lớn đến thị trường thế giới. Do đó nó cũng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, với 100% thị trường tiêu thụ của công ty là xuất khẩu sang Châu Âu và Mỹ. Năm 2024, Công ty phải chấm dứt sản xuất với khách hàng truyền thống ổn định Galtex (FIGS) mà thay vào đó là một số đơn hàng nhỏ, công nghệ phức tạp. Đồng thời với sự thay đổi mô hình làm việc của thị trường lao động đã làm cho lao động trực tiếp của Công ty bị tụt giảm gây ảnh hưởng rất lớn đến việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh của công ty đã được Đại hội cổ đông đề ra trong Nghị quyết số 01/ĐHĐCĐ ngày 29/03/2024.

### Thành tích đạt được năm 2024

Thắng lợi trong vụ kiện với Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt là niềm tự hào của Công ty chúng ta. Bảo Việt đã đền bù toàn bộ giá trị mà công ty chúng ta đã tham gia bảo hiểm bao gồm cả số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán. Đối với lô hàng hoá bị thiệt hại, công ty chúng ta mua lại và đã thanh toán số tiền này cho Bảo Việt vào ngày 31/12/2024 nhằm kết thúc vụ án trong năm 2024.

Công ty đã áp dụng công nghệ số vào quản lý, giải pháp “Đo lường tự động - kiểm soát GTD” là một trong những giải pháp mà Công ty đã được khách hàng Decathlon đánh giá cao là một trong những giải pháp tự động hóa tốt nhất trong năm 2024.

Trước những khó khăn đó Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những giải pháp để chỉ đạo hoạt động SX-KD cũng như sự tăng giá của đồng USD (tăng gần 5%) đã giúp công ty tiến gần đến các mục tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông. Chính vì vậy, mặc dù các chỉ tiêu doanh thu, kim ngạch XK giảm so với kế hoạch và cùng kỳ, nhưng công ty vẫn bảo đảm thu nhập của người lao động theo kế hoạch và chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trên 20% kế hoạch và so với cùng kỳ năm 2023. Cụ thể như sau:

- **Doanh thu thuần đạt:** 785,99 tỷ đồng so với kế hoạch 840 tỷ đồng đạt 93,57% và bằng 98,66% so với cùng kỳ.
- **Lợi nhuận trước thuế** đạt 29,19 tỷ đồng so với kế hoạch 24,0 tỷ đồng đạt 121,63% và bằng 123,20 so với cùng kỳ.
- **Tỷ lệ cổ tức** dự kiến là 20%.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

### Hoạt động giám sát

Hội đồng Quản trị đã thực hiện nghiêm túc vai trò giám sát các hoạt động của Ban Điều hành thông qua các báo cáo định kỳ từ Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, và các bộ phận chức năng. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành xử lý các vấn đề quan trọng phát sinh trong sản xuất, kinh doanh, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc. Các cuộc thảo luận thường xuyên giữa các bên đã giúp tìm ra những giải pháp phù hợp, tháo gỡ khó khăn để hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó.

Trong năm qua, Hội đồng Quản trị đã hoàn thành xuất sắc trách nhiệm giám sát theo đúng quy định của pháp luật đối với Tổng Giám đốc và đội ngũ giúp việc. Ban Điều hành và bộ máy quản lý đã thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích, phù hợp với Điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông cũng như Hội đồng Quản trị.

Ban Điều hành đã thể hiện sự linh hoạt và sáng tạo trong quản lý, tổ chức lại sản xuất, đồng thời cân đối hiệu quả nguồn vốn và dòng tiền. Những nỗ lực này đã đảm bảo công việc ổn định và thu nhập cho người lao động, đồng thời duy trì hiệu quả các hệ thống quản lý, chế độ kế toán chuẩn mực. Công ty cũng thực hiện đầy đủ các báo cáo thường niên, báo cáo quản trị và công bố thông tin đúng quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, đảm bảo tính minh bạch và uy tín trên thị trường.

### Kết quả hoạt động giám sát

#### Hoạt động Đầu tư và Sản xuất Kinh doanh

Nhờ sự giám sát chặt chẽ và hiệu quả của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2024, Công ty đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh. Việc giám sát sát sao các chiến lược đầu tư đã giúp Công ty thực hiện đúng tiến độ các dự án trọng điểm, đảm bảo chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn vốn. Đồng thời, các khoản đầu tư mới được triển khai phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng được nâng cao nhờ công tác kiểm tra và rà soát thường xuyên, giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những vấn đề phát sinh. Điều này không chỉ cải thiện hiệu suất mà còn giúp Công ty giảm thiểu chi phí sản xuất trong giai đoạn tăng các chi phí đầu vào vừa qua, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Việc giám sát chặt chẽ việc sử dụng tài nguyên và vận hành máy móc thiết bị cũng đã mang lại hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí đáng kể.





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY (TT)

### Tài chính

Trong năm vừa qua HĐQT đã thực hiện giám sát chặt chẽ các hoạt động tài chính của Công ty, đặc biệt là trong việc quản lý và tối ưu hóa hiệu quả các khoản đầu tư. Trong năm 2024, HĐQT đã hỗ trợ và chỉ đạo Ban Điều hành tập trung nguồn lực vào các mảng may mặc xuất khẩu tiềm năng và các đơn hàng lớn mang lại giá trị cao. Đồng thời, Công ty đã tích cực đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ từ khách hàng, giảm thiểu nợ & tổn kho tồn đọng, và đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn từ các đơn hàng hoàn tất nhằm đảm bảo dòng tiền ổn định, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

### Quan hệ nhà đầu tư

Công ty đã tổ chức thành công và minh bạch Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 29/03/2024 và Đại hội cổ đông bất thường vào ngày 29/05/2024. Sự kiện này không chỉ là cơ hội để trình bày các thành tựu, định hướng phát triển mà còn tạo ra một môi trường trao đổi và học hỏi kinh nghiệm quản trị công ty. Công ty đã tích cực tham gia các diễn đàn hội thảo và các khóa đào tạo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, VSD cùng các tổ chức uy tín trong và ngoài nước tổ chức.



Năm 2024, mặc dù kinh tế toàn cầu và ngành dệt may tại Việt Nam đã phục hồi nhưng vẫn còn vẫn đối mặt với không ít thách thức, đặc biệt là chi phí đầu vào, nhưng nhờ sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT và sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty Dệt May HCB đã duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Các bước phát triển tích cực trong năm qua không chỉ khẳng định vị thế của Công ty trong ngành may mặc xuất khẩu mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Bên cạnh đó, Công ty luôn duy trì việc cập nhật và công bố thông tin thường xuyên, đảm bảo các cổ đông và cơ quan chức năng nắm rõ tình hình hoạt động. Các thông tin quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh được truyền tải hiệu quả thông qua các công ty truyền thông và công ty chứng khoán trong nước, giúp các cổ đông và nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Với mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững, HĐQT Công ty đã vạch ra những định hướng chiến lược quan trọng cho thời gian tới như sau:

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, cải tiến dây chuyền công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật ngày càng cao của thị trường may mặc xuất khẩu. Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược để tăng cường năng lực cạnh tranh, mở rộng danh mục khách hàng và đảm bảo nguồn đơn hàng ổn định.
- Tăng cường nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đặc biệt là các dòng sản phẩm thân thiện với môi trường, như quần áo từ sợi tái chế, để bắt kịp xu hướng tiêu dùng bền vững trên thế giới. Chú trọng cải thiện chất lượng sản phẩm và nâng cao dịch vụ khách hàng nhằm gia tăng sự hài lòng và xây dựng uy tín thương hiệu.
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư, tập trung vào các dự án mang lại hiệu quả cao. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, giảm thiểu nợ & hàng tồn kho tồn đọng, đảm bảo duy trì dòng tiền ổn định.
- Xây dựng các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân, đặc biệt là đào tạo đa kỹ năng để đáp ứng nhu cầu sản xuất đa dạng. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên kỹ thuật, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng thích nghi với những thay đổi trong môi trường sản xuất và kinh doanh. Đẩy mạnh chính sách lương thưởng và phúc lợi, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.
- Thực hiện các chương trình bảo vệ môi trường như tiết kiệm năng lượng, phân loại và xử lý chất thải đúng quy định. Triển khai các dự án sản xuất bền vững, giảm thiểu tác động đến môi trường và góp phần nâng cao giá trị thương hiệu Công ty.
- Tối ưu hóa chi phí sản xuất và vận hành để cải thiện hiệu quả kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận phù hợp với kỳ vọng của cổ đông.

# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

**Hội đồng quản trị**

**Ban kiểm soát**

**Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích  
của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và  
Ban kiểm soát**





# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	504.629	9,71%
2	Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	308.000	5,92%
3	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Đại diện pháp luật)	552.500	10,63%
4	Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên HĐQT (Không điều hành)	499.231	9,60%
5	Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên HĐQT (Không điều hành)	378.750	7,28%

## Lý lịch Hội đồng quản trị

### Ông Huỳnh Văn Chính - Chủ tịch HĐQT không điều hành

**Ngày sinh:** 06/05/1941  
**Nơi sinh:** Quảng Nam  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Trung cấp Quản lý Kinh tế

#### Quá trình công tác:

1976 - 1978 : Chủ nhiệm tổ hợp Dệt may 29/3  
1979 - 1981 : Phó giám đốc xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3  
1982 - 04/1984 : Giám đốc xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3  
05/1984 - 03/2007 : Giám đốc nhà máy Dệt 29/3 (nay là Công ty CP Dệt May 29/3)  
1995 - 2005 : Phó chủ tịch Hiệp hội Dệt may Việt Nam  
2002 - 2007 : Đại biểu Quốc Hội khóa XI  
04/2007 - nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dệt may 29/3

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 504.629 cổ phần phổ thông chiếm 9,71% vốn điều lệ Công ty

### Ông Nguyễn Đình Trường - Phó Chủ tịch HĐQT

**Ngày sinh:** 13/03/1948  
**Nơi sinh:** Hà Nam  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế - Đại học Tổng hợp TP. HCM

#### Quá trình công tác:

08/1965 - 04/1970 : Công nhân bưu điện tại Hà Nội  
05/1970 - 12/1988 : Thiếu tá, Trưởng ban tổ chức động viên Cục kỹ thuật Quân khu  
07/01/1989 - 03/1991 : Cán bộ phòng kinh doanh Công ty HTKD Việt Tiến - Tungsing  
04/1991 - 12/1994 : Phó giám đốc cửa hàng HTKD Công ty HTKD Việt Tiến - Tungsing  
01/1995 - 09/1995 : Giám đốc chi nhánh Công ty may Việt Tiến tại Hà Nội  
10/1995 - 02/1997 : Giám đốc điều hành Công ty may Việt Tiến  
03/1997 - 01/2002 : Phó tổng giám đốc Tổng công ty may Việt Tiến  
02/2002 - 12/2007 : Tổng giám đốc Tổng công ty may Việt Tiến  
01/2008 - nay : Phó chủ tịch HĐQT Tổng công ty may Việt Tiến  
Thành viên HĐQT CTCP Dệt may 29/3

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty may Việt Tiến  
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đồng Tiến

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 308.000 cổ phần phổ thông chiếm 5,92% vốn điều lệ Công ty

### Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Đại diện pháp luật)

"Xem thêm tại Lý lịch Ban điều hành"



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

### Ông **Lâm Trọng Lương** - Thành viên HĐQT không điều hành

**Ngày sinh:** 19/06/1959  
**Nơi sinh:** Quảng Đông (Trung Quốc)  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế - Đại học Tổng hợp TP. HCM

#### Quá trình công tác:

1979 - 1988 : Nhân viên Tổ hợp sản xuất xà bông  
 1989 - 1990 : Giám đốc văn phòng đại diện Công ty Golden Deside Hong Kong  
 1991 - nay : Giám đốc Công ty Việt Tiến Tung Shing; Thành viên HĐQT CTCP Dệt may 29/3  
 03/2008 - nay : Thành viên HĐQT CTCP Dệt may 29/3

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Giám đốc Công ty Việt Tiến Tung Shing

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 499.231 cổ phần phổ thông chiếm 9,60% vốn điều lệ Công ty

### Ông **Nguyễn Xuân Tùng** - Thành viên HĐQT không điều hành

**Ngày sinh:** 08/08/1985  
**Nơi sinh:** Quảng Nam  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

#### Quá trình công tác:

2010 - 2011 : Nhân viên Công ty CP chứng khoán Dầu khí Đà Nẵng  
 2011 - 2014 : Nhân viên Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)  
 2017 - nay : Thành viên HĐQT - CTCP Dệt may 29/3

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 378.750 cổ phần phổ thông chiếm 7,28% vốn điều lệ Công ty

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty Dệt May 29/3 (HCB) không thành lập tiểu ban trong Hội đồng quản trị do quy mô vừa và nhỏ, chưa thuộc diện bắt buộc theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC. Điều này giúp công ty duy trì cấu trúc quản trị gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí và tập trung nguồn lực vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, đặc biệt trong bối cảnh ngành dệt may thâm dụng lao động.

### Hoạt động của hội đồng quản trị

Tổng giám đốc điều hành công ty dưới sự theo sát của Hội đồng quản trị, đặc biệt là sự thường xuyên chỉ đạo, giám sát, kiểm tra của Chủ tịch HĐQT công ty đối với Tổng giám đốc cũng như Ban điều hành của công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo hoặc trực tiếp chỉ đạo. Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành bám sát các chỉ tiêu SXKD mà Đại hội đồng cổ đông giao để hoàn thành và phấn đấu thực hiện vượt các chỉ tiêu.

Trong năm 2024, HĐQT đã có 6 cuộc họp, ngoài 04 cuộc họp định kỳ thì có 02 cuộc họp bất thường nhằm theo dõi, đánh giá kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, triển khai phương hướng hoạt động của các Quý tiếp theo và chỉ đạo các nội dung theo báo cáo của Tổng giám đốc. Đồng thời đưa ra những kế hoạch dài hạn cũng như những mục tiêu tương lai của Công ty để Tổng giám đốc có bước chuẩn bị và thực hiện.

### Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập

Công ty cổ phần Dệt May 29/3 hoạt động theo mô hình có Ban kiểm soát và đăng ký giao dịch trên sàn Upcom nên không có Hội đồng quản trị độc lập.

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị

**công ty:** không có

### Số lượng cuộc họp của Thành viên hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham gia dự họp
1	Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	6/6	100%
2	Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	6/6	100%
3	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Đại diện pháp luật)	6/6	100%
4	Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên HĐQT (Không điều hành)	6/6	100%
5	Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên HĐQT (Không điều hành)	6/6	100%



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

## Nội dung và kết quả các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	17/01/2024	1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024. 2. Thống nhất tỷ lệ cổ tức năm 2023 là 20%/cổ phiếu bằng bằng tiền mặt và thanh toán tạm ứng trong quý I/2024. 3. Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2024 vào ngày 29/03/2024.	100%
2	01/QĐ-HĐQT	20/01/2024	Quyết định khen thưởng cho các bộ phận.	100%
3	02/QĐ-HĐQT	01/03/2024	Quyết định về thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội cổ đông thường niên năm 2024	100%
4	02/NQ-HĐQT	28/03/2024	1. Thông qua các báo cáo, tờ trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024. 2. Phê duyệt danh sách các đơn vị được ký hợp đồng giao dịch và mua bán hàng hoá có giá trị nhỏ hơn 35% giá trị tổng tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán. 3. Thống nhất bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Kim Liên là thư ký HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty.	100%
5	03/NQ-HĐQT	28/03/2024	Quyết định: Phụ cấp tiền lương cho Tổng giám đốc và cán bộ phụ trách thu hồi công nợ Bagir.	100%
6	04/NQ-HĐQT	28/03/2024	Quyết định về hệ số xếp lương cho Tổng giám đốc công ty.	100%
7	05/NQ-HĐQT	28/03/2024	Quyết định về hệ số xếp lương cho Phó Tổng giám đốc công ty.	100%
8	06/NQ-HĐQT	28/03/2024	Quyết định về hệ số xếp lương cho Kế toán trưởng công ty.	100%
9	03/NQ-HĐQT	08/04/2024	1. Thống nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để trình nội dung về điều chỉnh Dự án đầu tư Xí nghiệp may Duy Trung giai đoạn II theo đúng hiện trạng và giá trị thực tế mà công ty đã đầu tư. 2. Ngày ĐKCC chốt danh sách cổ đông: ngày 02/05/2024. 3. Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29/05/2024.	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	03/NQ-HĐQT	08/04/2024	Quyết định về thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội cổ đông bất thường năm 2024.	100%
11	04/2024/NQHĐQT	30/07/2024	Quyết định thực hiện Giao dịch tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phương đông-Chỉ nhánh Trung Việt mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	100%
12	08/QĐ-HĐQT	30/07/2024	Quyết định về việc Cử Tổng giám đốc đi công tác tại Hoa Kỳ.	100%
13	09/QĐ-HĐQT	16/08/2024	Quyết định về việc Sáp nhập xí nghiệp may 4 vào xí nghiệp veston 2	100%
14	05/2024/NQHĐQT	27/09/2024	Thông qua hạn mức vay vốn tại các Ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	100%
15	06/NQ-HĐQT	18/11/2024	1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch SXKD quý 4 năm 2024. 2. HĐQT thống nhất giao TGD lựa chọn thời điểm tiến hành xây dựng nhà máy Duy Trung 2 phù hợp với tình hình của công ty và đáp ứng các tiêu chí của khách hàng. 3. Thống nhất đề xuất của BKS chọn Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024. 4. HĐQT thống nhất tạm ứng cổ tức năm 2024 cho cổ đông với tỷ lệ 15%/ cổ phiếu bằng tiền mặt. 5. Thống nhất thời gian giao dịch về Phương án mua lại cổ phiếu được thực hiện trong Quý I/2025.	100%
16	10/QĐ-HĐQT	18/11/2024	Quyết định về việc khen thưởng cho Tổng giám đốc trong tháng lợi vụ kiện với Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.	100%
17	11/QĐ-HĐQT	18/11/2024	Quyết định về việc khen thưởng cho Kế toán trưởng và các cán bộ phụ trách trong tháng lợi vụ kiện với Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.	100%
18	12/QĐ-HĐQT	18/11/2024	Quyết định về việc thông qua kế hoạch giao dịch giữa công ty và người có liên quan phát sinh từ ngày 01/12/2024 đến ngày 30/11/2025.	100%



## Danh sách thành viên Ban Kiểm Soát

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	26.000	0,50%
2	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	9.912	0,19%
3	Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	-	-

## Lý lịch Hội đồng quản trị

### Bà Lê Thị Hải Châu - Trưởng Ban Kiểm Soát

**Ngày sinh:** 01/03/1969  
**Nơi sinh:** Hà Tĩnh  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán

#### Quá trình công tác:

08/1989 - 09/1996 : Nhân viên thống kê phân xưởng Công ty Dệt May 29/3  
 10/1996 - 03/2007 : Nhân viên phòng tổ chức Công ty Dệt May 29/3  
 04/2007 - nay : Nhân viên phòng tổng hợp; Chủ tịch công đoàn Công ty Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Dệt May 29/3  
 2012 - nay : Giám Đốc Công ty TNHH MTV Dương Đàn

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Giám Đốc Công ty TNHH MTV Dương Đàn

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 26.000 cổ phần phổ thông chiếm 0,5% vốn điều lệ Công ty

### Bà Lê Thị Thúy Lan - Thành viên Ban Kiểm Soát

**Ngày sinh:** 17/04/1956  
**Nơi sinh:** Tiền Giang  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán

#### Quá trình công tác:

07/1980 - 04/2012 : Nhân viên phòng kế toán Công ty CP Dệt May 29/3  
 04/2012 - nay : Thành viên BKS Công ty CP Dệt may 29/3

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 9.912 cổ phần phổ thông chiếm 0,19% vốn điều lệ Công ty

### Bà Trương Thị Khánh Hiền - Thành viên Ban Kiểm Soát

**Ngày sinh:** 08/12/1983  
**Nơi sinh:** Đà Nẵng  
**Quốc tịch:** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán

#### Quá trình công tác:

01/2008 - 04/2021 : Nhân viên kinh doanh Công ty CP Dệt may 29/3  
 04/2022 - nay : Thành viên BKS Công ty CP Dệt may 29/3

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần





## BAN KIỂM SOÁT (TT)

### Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm soát đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát chặt chẽ các hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành. Cụ thể, Ban Kiểm soát thường xuyên theo dõi việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết hợp của HĐQT, cùng các quy chế và quy định do HĐQT ban hành. Hoạt động giám sát được thực hiện một cách đầy đủ, trung thực và minh bạch, đặc biệt tập trung vào việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 và các báo cáo tình hình sản xuất hằng tháng, nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong công tác quản trị.

Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát còn đóng vai trò tham mưu cho HĐQT và Ban Điều hành, đảm bảo việc thực hiện các quy định pháp luật và quy chế Công ty được tuân thủ nghiêm ngặt. Các ý kiến tư vấn của Ban Kiểm soát không chỉ giúp định hướng hoạt động quản lý mà còn hỗ trợ Công ty trong việc nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả điều hành.

Ngoài nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm soát còn tích cực hỗ trợ và giám sát việc tổ chức và thực hiện Đại hội đồng cổ đông. Các hoạt động này được thực hiện theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tính minh bạch, công khai, và chuyên nghiệp trong các quy trình liên quan.

Với vai trò giám sát toàn diện, tham mưu hiệu quả và hỗ trợ tích cực, Ban Kiểm soát đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng quản trị, duy trì sự minh bạch và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, giúp Công ty phát triển ổn định và bền vững.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty đã thể hiện vai trò tích cực trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình. Điều này cho thấy sự phối hợp chặt chẽ và tinh thần trách nhiệm cao giữa các bộ phận lãnh đạo trong Công ty, góp phần đảm bảo hiệu quả quản lý và điều hành.

Sự phối hợp giữa các bộ phận trong Công ty: Trong các cuộc họp của HĐQT cũng như các cuộc họp khác của Công ty, BKS luôn được mời tham dự để nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh và hoạt động điều hành quản trị. Điều này không chỉ giúp BKS thực hiện tốt vai trò giám sát mà còn đảm bảo sự minh bạch và thông suốt trong quá trình điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc.

Nhìn chung, sự phối hợp hiệu quả giữa HĐQT, Tổng Giám đốc, và BKS đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, và khẳng định sự phát triển bền vững của Công ty.

### Số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm Soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham gia dự họp
1	Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS (Chủ tịch Công đoàn)	4/4	100%
2	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	4/4	100%
3	Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	4/4	100%

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao	Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác
1	Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	323.336.000	-
2	Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	226.333.000	-
3	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT	291.000.000	1.152.741.235
4	Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên HĐQT	161.666.000	-
5	Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên HĐQT	161.666.000	-
6	Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	113.164.000	318.466.757
7	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	48.501.000	-
8	Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	48.501.000	116.349.280

### Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Kim Liên	Kế Toán Trưởng	5.312	0,10%	25.274	0,49%	
2	Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	26.000	0,5%	1.000	0,02%	



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TT)

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

STT	Tên TV HĐQT/TV BKS/TGD	Tên công ty có giao dịch	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Hợp đồng giao dịch	Chức vụ tại công ty có giao dịch
1	Nguyễn Đình Trường	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần May Việt Tiến	0300401524-022	102 Nguyễn Văn Linh - P.Nam Dương-Q. Hải Châu- TP Đà Nẵng	Hợp đồng cung cấp MMTB, phụ tùng may mặc	Thành viên HĐQT
		Xí nghiệp Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Xuất nhập khẩu MS VTEC SHIPPING LTD.	0300401524-034	63 Xuân Hồng, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Hợp đồng dịch vụ vận chuyển hàng hóa logistic	
2	Nguyễn Đình Trường	Công ty Cổ phần Đồng Tiến	3600259810	Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai	- Hợp đồng gia công may mặc. - Hợp đồng mua bán nguyên phụ liệu may mặc.	Chủ tịch HĐQT





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TT)

### Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị doanh nghiệp, đảm bảo minh bạch thông tin, tuân thủ quy định pháp luật và bảo vệ quyền lợi cổ đông thông qua việc công bố thông tin đầy đủ, tổ chức ĐHĐCĐ và chi trả cổ tức đúng hạn.

Mặc dù chưa tổ chức các khóa đào tạo chính thức về quản trị Công ty, Công ty vẫn khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc tham gia các hội thảo và đối thoại chuyên môn trong năm để nâng cao năng lực quản trị như sau:

STT	Thời gian	Sự kiện/Hội nghị
1	06/2024	Hội nghị “Những vấn đề lưu ý trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán của công ty đại chúng, công ty niêm yết; Các sai sót trong lập và trình bày BCTC của công ty đại chúng, công ty niêm yết” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam tổ chức nhằm mục tiêu hướng dẫn công ty đại chúng, công ty niêm yết nâng cao tính tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, nâng cao chất lượng công bố thông tin báo cáo tài chính.
2	08/2024	Hội thảo “Hội nghị các Tổ chức đăng ký chứng khoán tại VSDC năm 2024” do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) tổ chức.
3	09/2024	Hội thảo “Nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị công ty đại chúng bằng các quy định nội bộ” do CTCP Chứng khoán FPT tổ chức với sự hỗ trợ chuyên môn từ Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
4	10/2024	Hội thảo ra mắt, giới thiệu và hướng dẫn sử dụng Sổ tay về triển khai và công bố thông tin ESG do Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức

Về quản trị tài chính – kế toán, Công ty đã triển khai hệ thống quản lý chặt chẽ, giúp kiểm soát dòng tiền và báo cáo tài chính kịp thời, đồng thời có kế hoạch nâng cấp hệ thống để tối ưu hiệu suất. Sau tái cơ cấu, mô hình quản trị nhân sự cũng được tinh gọn hơn, đảm bảo tuân thủ pháp luật và nâng cao hiệu quả vận hành. Những cải tiến trên giúp Công ty tối ưu hóa quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo nền tảng phát triển bền vững trong tương lai.



# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024



Số: 52/2025/BCKT-E.AFA

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

#### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 03 năm 2025 từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Như Phương  
Giám đốc kiểm toán  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2293-2023-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM  
Đà Nẵng, ngày 07 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thanh Lam  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 4231-2023-240-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>411.872.860.175</b>	<b>530.335.218.235</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>18.087.599.851</b>	<b>29.270.882.498</b>
1. Tiền	111	4.1	18.087.599.851	29.270.882.498
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>45.076.290.678</b>	<b>41.819.083.034</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	45.076.290.678	41.819.083.034
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>144.574.804.700</b>	<b>222.997.054.529</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	144.529.321.282	183.795.821.038
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	5.294.997.478	8.486.127.866
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.205.917.120	2.544.849.995
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(6.455.431.180)	(16.744.902.591)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.6	-	44.915.158.221
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.8</b>	<b>195.382.489.795</b>	<b>206.236.496.377</b>
1. Hàng tồn kho	141		204.940.489.996	212.146.207.499
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.558.000.201)	(5.909.711.122)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.751.675.151</b>	<b>30.011.701.857</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	1.438.605.787	1.554.197.630
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.305.801.164	27.238.582.932
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	7.268.200	1.218.921.295
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>132.378.650.631</b>	<b>152.619.370.271</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>127.766.204.165</b>	<b>133.914.677.056</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.11	125.995.877.850	131.586.084.833
Nguyên giá	222		503.953.452.973	479.768.780.687
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(377.957.575.123)	(348.182.695.854)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.12	1.770.326.315	2.328.592.223
Nguyên giá	228		8.080.226.026	8.050.226.026
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.309.899.711)	(5.721.633.803)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.115.668.636</b>	<b>15.089.594.341</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	1.115.668.636	15.089.594.341
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.496.777.830</b>	<b>3.615.098.874</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	3.496.777.830	3.615.098.874
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>544.251.510.806</b>	<b>682.954.588.566</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>392.748.240.734</b>	<b>533.709.415.848</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>392.748.240.734</b>	<b>509.620.423.117</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	48.596.151.269	52.108.319.148
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	81.354.876	630.205.625
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	5.284.084.332	3.615.739.155
4. Phải trả người lao động	314	4.16	44.997.756.523	93.196.081.711
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	4.564.371.661	3.665.336.031
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	15.914.261.058	18.594.063.197
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.20	234.361.900.850	305.751.252.548
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.19	37.224.931.122	30.567.062.704
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.723.429.043	1.492.362.997
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>24.088.992.731</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.18	-	24.080.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	8.992.731
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>151.503.270.072</b>	<b>149.245.172.718</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.21</b>	<b>151.503.270.072</b>	<b>149.245.172.718</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.992.740.000	51.992.740.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.992.740.000	51.992.740.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.939.243.713	16.939.243.713
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.304.967.283	58.396.347.772
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.266.319.076	21.916.841.233
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.711.398.676	3.537.535.421
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.554.920.400	18.379.305.812
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>544.251.510.806</b>	<b>682.954.588.566</b>



Phạm Thị Xuân Nguyệt  
 Tổng Giám đốc  
 Đà Nẵng, ngày 07 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Kim Liên  
 Kế toán trưởng

Lê Thị Cẩm Nhung  
 Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	786.188.162.131	796.724.802.496
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		197.264.067	37.464.043
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		785.990.898.064	796.687.338.453
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	657.488.720.066	710.660.312.870
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		128.502.177.998	86.027.025.583
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	24.313.975.638	16.109.856.692
7. Chi phí tài chính	22	5.4	25.696.087.233	28.123.782.485
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		13.251.968.536	20.360.941.626
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	6.201.912.580	9.722.081.858
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	71.003.435.671	42.540.729.268
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.914.718.152	21.750.288.664
11. Thu nhập khác	31	5.7	7.390.683.642	2.589.202.887
12. Chi phí khác	32	5.8	28.114.976.642	645.094.964
13. Lợi nhuận khác	40		(20.724.293.000)	1.944.107.923
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.190.425.152	23.694.396.587
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	5.845.586.483	4.871.003.590
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(8.992.731)	(55.912.815)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.353.831.400	18.879.305.812
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.6	4.492	2.978
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.7	4.492	2.978



*(Handwritten signature)*

Phạm Thị Xuân Nguyệt  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Kim Liên  
Kế toán trưởng

Lê Thị Cẩm Nhung  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.190.425.152	23.694.396.587
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		30.699.636.787	31.961.903.159
Các khoản dự phòng	03		9.786.305.453	30.796.950.216
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(241.362.376)	326.167.503
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.406.212.959)	(5.303.968.307)
Chi phí lãi vay	06		13.251.968.536	20.360.941.626
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		80.280.760.593	101.836.390.784
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		98.910.480.544	(109.633.201.516)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.205.717.503	39.203.061.465
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(83.269.290.376)	(5.007.590.901)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		233.912.887	141.947.769
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.722.349.061)	(19.588.683.352)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.188.098.271)	(2.323.414.918)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.667.209.000)	(2.005.285.752)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>79.783.924.819</b>	<b>2.623.223.579</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(7.481.397.329)	(10.160.109.737)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		59.090.909	3.164.089.163
3. Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của các đơn vị khác	23		(31.147.735.547)	(17.405.888.109)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		27.890.527.903	21.586.110.932
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.044.160.761	4.089.526.564
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(8.635.353.303)</b>	<b>1.273.728.813</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	723.936.976.579	685.253.765.787
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(795.908.339.768)	(685.315.923.794)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(10.391.825.800)	(10.395.355.050)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(82.363.188.989)</b>	<b>(10.457.513.057)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		<b>(11.214.617.473)</b>	<b>(6.560.560.665)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.270.882.498	35.864.381.153
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		31.334.826	(32.937.990)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	70		<b>18.087.599.851</b>	<b>29.270.882.498</b>



*(Handwritten signature)*

Phạm Thị Xuân Nguyệt  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Kim Liên  
Kế toán trưởng

Lê Thị Cẩm Nhung  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Dệt may 29/3 theo Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp ngày 27 tháng 03 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với mã số doanh nghiệp là 0400100457 và lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 05 năm 2024.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp là 51.992.740.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.596 người (31/12/2023: 3.012 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành may;
- Bán buôn các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn, các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành may. Kinh doanh các dịch vụ thương mại;
- Bán lẻ các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 – Xí nghiệp may Duy Trung	Cụm công nghiệp Tây An, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Địa điểm kinh doanh – Xí nghiệp may Duy Trung 2 – CN Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 – Xí nghiệp may Duy Trung	Cụm công nghiệp Tây An, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.4. Đầu tư tài chính**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.5. Nợ phải thu**

**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

**Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6. Hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Năm 2024</b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	5 – 10 năm

**3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

**Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.9. Thuê tài sản**

**Thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.10. Cho thuê tài sản**

**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.12. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn hợp đồng;
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ không quá 3 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.13. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.14. Chi phí đi vay*****Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.15. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.16. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.18. Doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.20. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

**3.22. Thuế**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

**Thuế giá trị gia tăng:**

- Sản xuất, gia công hàng dệt may xuất khẩu áp dụng mức thuế suất 0%;
- Sản xuất, gia công hàng dệt may trong nước áp dụng mức thuế suất 10%. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với hoạt động này từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023; từ ngày 30/06/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.
- Các hoạt động khác áp dụng các mức thuế suất theo quy định pháp luật thuế hiện hành.

**Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.23. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh. Hoạt động chủ đạo của công ty là sản xuất, gia công hàng dệt may xuất khẩu.

Doanh thu	Năm 2024		Năm 2023	
	VND	Tỷ trọng %	VND	Tỷ trọng %
Sản xuất, gia công hàng dệt may xuất khẩu	784.244.688.003	99,78%	787.525.248.521	98,85%
Sản xuất, gia công hàng dệt may và hoạt động khác bán trong nước	1.746.210.061	0,22%	9.162.089.932	1,15%
<b>Cộng</b>	<b>785.990.898.064</b>	<b>100,00%</b>	<b>796.687.338.453</b>	<b>100,00%</b>

**3.24. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ (VND)		874.189.909		31.690.327
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		17.213.409.942		29.239.192.171
+ VND		11.538.780.457		15.193.273.798
+ USD	244.055,73	# 5.660.445.389	584.252,30	# 14.031.136.074
+ EUR	542,68	# 14.184.096	562,62	# 14.782.299
<b>Cộng</b>		<b>18.087.599.851</b>		<b>29.270.882.498</b>

**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	45.076.290.678	45.076.290.678	41.819.083.034	41.819.083.034
<b>Cộng</b>	<b>45.076.290.678</b>	<b>45.076.290.678</b>	<b>41.819.083.034</b>	<b>41.819.083.034</b>

(\*) Số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là: 15.076.290.678 VND. Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển là 11.576.290.678 VND, tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương là 3.500.000.000 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
BAGIR GROUP LTD, Desipro Pte. Ltd.	- 86.823.780.082	56.127.277.905 80.648.907.731
GALTEX INTERNATIONAL LIMITED	-	8.863.817.760
CENTRAL MERCURY INVESTMENT CORP	32.829.126.946	15.753.807.195
Các đối tượng khác	24.876.414.254	22.402.010.447
<b>Cộng</b>	<b>144.529.321.282</b>	<b>183.795.821.038</b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Dệt Hòa Khánh Đà Nẵng	2.697.314.484	2.697.314.484
Chi nhánh Công ty TNHH Kỹ thuật PCCC Hoàng Tỷ tại Đà Nẵng	389.641.815	3.272.614.677
Công ty TNHH Nội Hơi Cơ Khí Nghĩa Thành	594.000.000	594.000.000
Các đối tượng khác	1.614.041.179	1.922.198.705
<b>Cộng</b>	<b>5.294.997.478</b>	<b>8.486.127.866</b>

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	79.600.000	-	627.265.400	-
Lãi dự thu	453.476.334	-	150.515.045	-
Ký quỹ, ký cược	513.580.251	-	1.341.522.481	-
Phải thu khác	159.260.535	-	425.547.069	-
<b>Cộng</b>	<b>1.205.917.120</b>	<b>-</b>	<b>2.544.849.995</b>	<b>-</b>

**4.6. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Giá trị tổn thất chờ bồi thường	-	44.915.158.221
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>44.915.158.221</b>

Tại ngày 31/12/2023, giá trị tổn thất chờ bồi thường của Công ty do ảnh hưởng của Cơ bảo số 5 vào ngày 14/10/2022 đối với các tài sản tham gia hợp đồng bảo hiểm với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt – Công ty Bảo Việt Đà Nẵng (Bảo hiểm Bảo Việt) là: 44.915.158.221 VND. Trong năm 2024,

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Công ty và Bảo hiểm Bảo Việt đã thống nhất được giá trị bồi thường cuối cùng. Ngày 23/10/2024, Bảo hiểm Bảo Việt đã hoàn tất việc thanh toán bồi thường cuối cùng cho Công ty. Xem thêm tại thuyết minh số 5.8.

**4.7. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	16.444.335.674	9.988.904.494	56.907.119.361	40.162.216.770
<b>Cộng</b>	<b>16.444.335.674</b>	<b>9.988.904.494</b>	<b>56.907.119.361</b>	<b>40.162.216.770</b>

Thời gian quá hạn/Tình trạng và giá trị các khoản nợ phải thu khó đòi theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND			Tại ngày 01/01/2024 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn/ Tình trạng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn/ Tình trạng
Quá hạn:						
- Bagir Group Ltd	-	-	Đã xử lý	56.127.277.905	39.879.989.242	Đang làm thủ tục phá sản
- Công Ty Cổ Phần Dệt Hòa Khánh Đà Nẵng	3.261.769.540	978.530.862	Quá hạn từ 2 - 3 năm	564.455.056	282.227.528	Quá hạn từ 1 - 2 năm
- Shandong Ruyi Woolen Garment Group Co.,Ltd	12.635.765.626	8.845.035.938	Từ 6 tháng - 1 năm			
- Shandong Ruyi Woolen Garment Group Co.,Ltd	329.567.308	164.783.654	Từ 1 - 2 năm			
- Các đối tượng khác	217.233.200	554.040		215.386.400	-	
<b>Cộng</b>	<b>16.444.335.674</b>	<b>9.988.904.494</b>		<b>56.907.119.361</b>	<b>40.162.216.770</b>	

**4.8. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	17.121.804	-	1.671.438.362	-
Nguyên liệu, vật liệu	92.257.094.557	1.856.370.053	103.712.126.059	-
Công cụ, dụng cụ	669.498.444	-	952.844.401	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	53.471.436.950	-	46.612.323.772	-
Thành phẩm	57.938.138.241	7.701.630.148	59.098.150.562	5.909.711.122
Hàng hóa	587.200.000	-	99.324.343	-
<b>Cộng</b>	<b>204.940.489.996</b>	<b>9.558.000.201</b>	<b>212.146.207.499</b>	<b>5.909.711.122</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại thời điểm cuối năm, giá trị hàng tồn kho bị giảm giá, kém, mất phẩm chất là 14.359.903.769 VND, Công ty xác định giá trị có thể thu hồi số hàng tồn kho này là 4.801.903.568 VND và thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 9.558.000.201 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tương ứng tỷ lệ nợ vay tại thời điểm 31/12/2024 là 65.986.474.329 VND.

**4.9. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo hiểm tài sản	1.017.026.284	1.087.160.912
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	98.492.044	190.115.283
Chi phí trả trước khác	323.087.459	276.921.435
<b>Cộng</b>	<b>1.438.605.787</b>	<b>1.554.197.630</b>
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.994.957.571	2.180.595.448
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	1.472.766.076	1.399.924.616
Chi phí trả trước khác	29.054.183	34.578.810
<b>Cộng</b>	<b>3.496.777.830</b>	<b>3.615.098.874</b>

**4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Dự án Xí nghiệp May Duy Trung giai đoạn II	-	14.870.719.795
Chứng chỉ xanh LOTUS tại 60 Mẹ Nhu	326.750.000	-
Phần mềm đo phình thùng hàng DEC	718.845.909	218.874.546
Chi phí giải tỏa đền bù khu lưu trú công nhân 221 Trường Chinh	70.072.727	-
<b>Cộng</b>	<b>1.115.668.636</b>	<b>15.089.594.341</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2024	127.000.825.760	300.153.986.906	42.414.758.716	9.873.409.305	325.800.000	479.768.780.687
Đầu tư XDCB hoàn thành	14.648.295.039	-	-	-	-	14.648.295.039
Mua trong năm	-	6.756.621.712	1.398.925.310	1.504.021.835	213.300.000	9.872.868.857
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(336.491.610)	-	-	(336.491.610)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>141.649.120.799</b>	<b>306.910.608.618</b>	<b>43.477.192.416</b>	<b>11.377.431.140</b>	<b>539.100.000</b>	<b>503.953.452.973</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2024	52.950.201.118	259.115.947.436	27.555.517.022	8.286.639.292	274.390.986	348.182.695.854
Khấu hao trong năm	5.698.381.750	20.589.711.401	2.539.170.939	1.243.937.107	40.169.682	30.111.370.879
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(336.491.610)	-	-	(336.491.610)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>58.648.582.868</b>	<b>279.705.658.837</b>	<b>29.758.196.351</b>	<b>9.530.576.399</b>	<b>314.560.668</b>	<b>377.957.575.123</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2024	74.050.624.642	41.038.039.470	14.859.241.694	1.586.770.013	51.409.014	131.586.094.833
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>83.000.537.931</b>	<b>27.204.949.781</b>	<b>13.718.996.065</b>	<b>1.846.854.741</b>	<b>224.539.332</b>	<b>125.995.877.850</b>

Giá trị còn lại cuối năm TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là: 60.155.023.377 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 254.382.875.752 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	7.889.588.626	160.637.400	8.050.226.026
Mua sắm trong năm	30.000.000	-	30.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>7.919.588.626</b>	<b>160.637.400</b>	<b>8.080.226.026</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	5.560.996.403	160.637.400	5.721.633.803
Khấu hao trong năm	588.265.908	-	588.265.908
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>6.149.262.311</b>	<b>160.637.400</b>	<b>6.309.899.711</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	2.328.592.223	-	2.328.592.223
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>1.770.326.315</b>	<b>-</b>	<b>1.770.326.315</b>

- Tại thời điểm cuối năm không có TSCĐ vô hình dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.
- Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.137.920.964 VND.

**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Mainetti (VN)	2.546.040.849	2.546.040.849	4.019.247.330	4.019.247.330
Jiangyin Blossom Textiles co.,Ltd	2.405.939.650	2.405.939.650	2.299.442.145	2.299.442.145
Công ty TNHH Phụ Liệu Phú Cường	3.613.996.133	3.613.996.133	2.166.893.615	2.166.893.615
Fujian SBS Zipper Science and Technology Co., Ltd	5.469.185.162	5.469.185.162	2.005.284.442	2.005.284.442
Các đối tượng khác	34.560.989.475	34.560.989.475	41.617.451.616	41.617.451.616
<b>Cộng</b>	<b>48.596.151.269</b>	<b>48.596.151.269</b>	<b>52.108.319.148</b>	<b>52.108.319.148</b>
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	153.513.875	153.513.875	1.226.027.455	1.226.027.455

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
ASOS.Com Limited	-	545.693.702
Các đối tượng khác	81.354.876	84.511.924
<b>Cộng</b>	<b>81.354.876</b>	<b>630.205.626</b>

**4.15. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra	-	524.277.312	6.678.154.729	6.634.811.871	-	480.934.454
Thuế GTGT hàng NK	-	-	58.883.549	58.883.549	-	-
Thuế TNDN	-	4.381.970.013	5.845.586.483	4.503.074.695	-	3.039.458.225
Thuế TNCN	-	193.381.448	2.383.855.036	2.285.820.064	-	95.346.476
Thuế nhà đất	7.268.200	-	4.009.920.740	2.814.342.097	1.202.846.843	-
Các loại thuế khác	-	184.455.559	1.038.064.318	837.534.307	16.074.452	-
<b>Cộng</b>	<b>7.268.200</b>	<b>5.284.084.332</b>	<b>20.014.464.855</b>	<b>17.134.466.583</b>	<b>1.218.921.295</b>	<b>3.615.739.155</b>

**4.16. Phải trả người lao động**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả công nhân may	43.852.158.987	87.891.266.072
Phải trả bộ phận quản lý	1.145.597.536	5.304.815.639
<b>Cộng</b>	<b>44.997.756.523</b>	<b>93.196.081.711</b>

**4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Lãi vay phải trả	485.793.217	956.173.742
Thù lao HĐQT và BKS	138.137.683	21.038.501
Trích trước chi phí giám sát sản xuất hàng Vest	1.260.118.236	1.833.102.947
Trích trước chi phí dịch vụ quản lý đơn hàng	-	308.510.000
Hệ thống PCCC	1.222.378.700	-
Các khoản chi phí trích trước khác	1.457.943.825	546.510.841
<b>Cộng</b>	<b>4.564.371.661</b>	<b>3.665.336.031</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.18. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả	7.907.051.650	101.418.450
Bagir Group Ltd.	-	7.453.109.460
Desipro Pte. Ltd.	106.778.249	783.184.126
Các đối tượng khác	7.900.431.159	10.256.351.161
<b>Cộng</b>	<b>15.914.261.058</b>	<b>18.594.063.197</b>

Dài hạn:		
Bagir Group Ltd.	-	24.080.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>24.080.000.000</b>

**4.19. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Giá trị vật tư nhận gia công bị thiệt hại còn phải trả (*)	37.224.931.122	30.567.062.704
<b>Cộng</b>	<b>37.224.931.122</b>	<b>30.567.062.704</b>

(\*) Khoản dự phòng phải trả tương ứng phần giá trị các tài sản nhận gia công còn lại phải bồi hoàn hoặc mua thay thế cho đối tác giao gia công do tài sản nhận gia công bị tổn thất bởi cơn bão số 5 ngày 14/10/2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.20. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đà Nẵng (1)	65.986.474.329	65.986.474.329	213.096.200.056	232.330.198.955	85.220.473.228	85.220.473.228
Ngân hàng TMCP Công thương VN CN Đà Nẵng (2)	18.450.631.489	18.450.631.489	158.835.671.596	220.407.075.655	80.022.035.548	80.022.035.548
Ngân hàng TMCP A Châu - PGD Hoàng Diệu (3)	120.088.588.928	120.088.588.928	218.316.988.108	177.109.948.085	78.881.548.905	78.881.548.905
Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN - CN Sông Hàn (4)	29.836.206.104	29.836.206.104	95.691.089.407	97.405.071.041	31.550.187.738	31.550.187.738
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Đà Nẵng	-	-	-	15.994.528.378	15.994.528.378	15.994.528.378
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Trung Việt	-	-	4.191.183.276	18.273.662.027	14.082.478.751	14.082.478.751
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	34.387.855.627	34.387.855.627	-	-
<b>Cộng</b>	<b>234.361.900.850</b>	<b>234.361.900.850</b>	<b>724.518.988.070</b>	<b>795.908.339.768</b>	<b>305.751.252.548</b>	<b>305.751.252.548</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Stt	Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng vay	Hạn mức (VND)	Kỳ hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản thế chấp
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đà Nẵng	260/2024/CTD/VCB-KHDN	16/12/2024	120.000.000.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn cho đầu tư tài sản cố định.	- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, hàng hóa số: 207/2013/VCB ngày 18/12/2023; 224/2015/VCB-DB ngày 09/11/2015, 146/2018/VCB-ĐN ngày 10/12/2018. - Hợp đồng thế chấp quyền phát sinh từ hợp đồng 147/2018/VCB-ĐN ngày 10/12/2018 - Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn ngày 02/11/2023 và 20/11/2023
2	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng	300029439/2024-HĐCVHM/NHC T480-HACHIBA	16/12/2024	120.000.000.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho sản xuất kinh doanh.	Máy móc thiết bị theo các hợp đồng thế chấp từ năm 2007 đến 2018
3	Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Hoàng Diệu	HOD.DN.4261.050224	14/03/2024	125.000.000.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh	- Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 27, 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. - Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 08, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam. - Máy móc thiết bị ngành may theo các hợp đồng thế chấp từ năm 2015 đến 2018
4	Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN - CN Sông Hàn	01/2024/256967/HĐTD	23/12/2024	50.000.000.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2022/256967/HĐTG với số tiền 11.576.290.678 VND - Máy móc, thiết bị với tổng giá trị 6.442.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số 01/2022/256967/HĐBĐ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.21. Vốn chủ sở hữu

## 4.21.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	
Tại ngày 01/01/2023	51.992.740.000	16.939.243.713	52.969.315.346	143.913.221.465
Lãi trong năm trước	-	-	-	18.879.305.812
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.427.032.426	(5.427.032.426)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.648.806.559)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (*)	-	-	-	(500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.398.548.000)
Tại ngày 01/01/2024	51.992.740.000	16.939.243.713	58.396.347.772	149.245.172.718
Lãi trong năm nay	-	-	-	23.353.831.400
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	4.908.619.511	(4.908.619.511)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(2.898.275.046)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(10.398.548.000)
Tạm ứng cổ tức (**)	-	-	-	(7.798.911.000)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>16.939.243.713</b>	<b>63.304.967.283</b>	<b>151.503.270.072</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 29/03/2024.

(\*\*) Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2024, theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 18/11/2024.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ông Nguyễn Xuân Anh	10.689.160.000	10.689.160.000
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	5.525.000.000	5.525.000.000
Ông Huỳnh Văn Chính	5.046.290.000	5.046.290.000
Các cổ đông khác	30.732.290.000	30.732.290.000
<b>Cộng</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>51.992.740.000</b>

**4.21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	51.992.740.000	51.992.740.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>51.992.740.000</b>

**4.21.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2024 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.199.274	5.199.274
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.199.274	5.199.274
- Cổ phiếu phổ thông	5.199.274	5.199.274
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.199.274	5.199.274
- Cổ phiếu phổ thông	5.199.274	5.199.274
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**4.21.5. Cổ tức**

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 29/03/2024 đã thông qua tỷ lệ cổ tức bằng tiền năm 2023 là 20%/Vốn điều lệ tương ứng: 10.398.548.000 VND.

Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 18/11/2024 của Hội đồng quản trị phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 15% tương ứng: 7.798.911.000 VND. Theo thông báo số 173/CV-CT ngày 14/12/2024, ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức là: 31/12/2024, ngày chi trả dự kiến là: 10/01/2025.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.21.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	23.353.831.400	18.879.305.812
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.398.275.046)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.353.831.400	15.481.030.766
Số lượng cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.199.274	5.199.274
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.492</b>	<b>2.978</b>

Số liệu tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với giá trị không đổi so với số tạm tính năm 2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 không thay đổi so với đã trình bày trên báo cáo năm 2023.

Năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa thông qua kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty, các chỉ tiêu này của năm 2024 có thể sẽ thay đổi khi Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

**4.21.7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	23.353.831.400	18.879.305.812
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.398.275.046)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.353.831.400	15.481.030.766
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.199.274	5.199.274
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.199.274	5.199.274
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>4.492</b>	<b>2.978</b>

Số liệu tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với giá trị không đổi so với số tạm tính năm 2023. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 không thay đổi so với đã trình bày trên báo cáo năm 2023.

Năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa thông qua kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty, các chỉ tiêu này của năm 2024 có thể sẽ thay đổi khi Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

**4.22. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
+ USD	244.055,73	584.252,30
+ EUR	542,68	562,62
<b>Vật tư nhận gia công tồn kho</b>		
+ Vải các loại (mét)	1.478.921	2.221.425
+ Phụ liệu các loại (chiếc, cái, bộ, m ...)	1.413.225	3.399.205

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Bagir Group Ltd	9.769.619.367	-
<b>5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu	171.953.219	255.151.336
Doanh thu bán thành phẩm	784.779.310.488	795.998.431.321
Doanh thu khác	1.236.898.424	471.219.839
<b>Cộng</b>	<b>786.188.162.131</b>	<b>796.724.802.496</b>
<b>5.2. Giá vốn hàng bán</b>		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	145.340.958	1.182.807.438
Giá vốn thành phẩm	653.687.090.029	709.219.698.484
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.656.289.079	257.806.948
<b>Cộng</b>	<b>657.488.720.066</b>	<b>710.660.312.870</b>
<b>5.3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu	2.347.122.050	3.814.722.729
Chiết khấu thanh toán	-	13.988.658
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	21.725.491.212	12.281.145.305
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	241.362.376	-
<b>Cộng</b>	<b>24.313.975.638</b>	<b>16.109.856.692</b>
<b>5.4. Chi phí tài chính</b>		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	13.251.968.536	20.360.941.626
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	12.444.118.697	7.436.673.356
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	326.167.503
<b>Cộng</b>	<b>25.696.087.233</b>	<b>28.123.782.485</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>5.5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.248.987.716	5.800.219.466
Chi phí bán hàng khác	1.952.924.864	3.921.862.392
<b>Cộng</b>	<b>6.201.912.580</b>	<b>9.722.081.858</b>
<b>5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	43.084.323.297	18.047.899.445
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	4.378.021.324	5.561.985.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.068.550.029	1.929.926.840
Trích lập/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(519.852.044)	(27.919.436)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.872.119.745	4.670.125.676
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.120.273.320	12.358.711.703
<b>Cộng</b>	<b>71.003.435.671</b>	<b>42.540.729.268</b>
<b>5.7. Thu nhập khác</b>		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	81.986.532	1.489.245.578
Lãi phát sinh do chậm bồi thường, chậm thi hành án	5.488.783.692	-
Thu hồi tiền án phí	134.155.121	-
Các khoản nhận bồi thường, hỗ trợ khác	440.091.852	839.617.121
Xử lý tài chính công nợ tồn đọng	658.944.073	-
Các khoản khác	586.722.372	260.340.188
<b>Cộng</b>	<b>7.390.683.642</b>	<b>2.589.202.887</b>
<b>5.8. Chi phí khác</b>		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá trị tổn thất, chi phí khắc phục không được bồi thường (*)	23.637.749.604	297.194.843
Chi phí liên quan đến vụ kiện	2.254.836.596	-
Xử lý tài chính công nợ tồn đọng	515.572.020	-
Truy thu thuế	837.683.058	-
Chi phí khác	869.135.364	347.900.121
<b>Cộng</b>	<b>28.114.976.642</b>	<b>645.094.964</b>

(\*) Do ảnh hưởng của Cơn bảo số 5 vào ngày 14/10/2022, Tổng giá trị thiệt hại đối với các tài sản tham gia hợp đồng bảo hiểm với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt – Công ty Bảo Việt Đà Nẵng sau

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

khi trừ đi giá trị bồi thường là: 23.637.749.604 VND (Tổng giá trị thiệt hại phát sinh: 90.111.232.679 VND, giá trị đã nhận bồi thường: 66.473.483.075 VND).

**5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	344.276.291.334	287.104.010.697
Chi phí nhân công	299.902.661.686	339.784.200.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.550.815.733	31.961.903.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.024.412.279	50.376.279.301
Chi phí khác bằng tiền	18.357.210.149	19.696.103.518
<b>Cộng</b>	<b>737.111.391.181</b>	<b>728.922.497.132</b>

**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	29.190.425.152	23.694.396.587
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.929.678.375	2.877.847.401
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.005.172.176	4.961.823.040
- Chi phí không được trừ	2.249.384.382	2.323.487.340
- Lỗ CLTG do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm nay	2.482.606	637.720.988
- Lãi CLTG do đánh giá lại số dư cuối năm trước	1.753.305.188	2.000.614.712
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	2.075.493.801	2.083.975.639
- Lãi CLTG do đ.giá lại số dư ngoại tệ cuối năm nay	1.437.772.813	1.753.305.188
- Lỗ CLTG do đ.giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước	637.720.988	330.670.451
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	31.120.103.527	26.572.243.988
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuê TNDN được giảm (khoản chi cho lao động nữ theo quy định)	424.150.000	571.099.900
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.845.586.483</b>	<b>4.871.003.590</b>

**Trong đó:**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	5.799.870.705	4.743.348.898
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	45.715.778	127.654.692

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	723.936.976.579	685.253.765.787
<b>Cộng</b>	<b>723.936.976.579</b>	<b>685.253.765.787</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.2. Số tiền thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	795.908.339.768	685.315.923.794
<b>Cộng</b>	<b>795.908.339.768</b>	<b>685.315.923.794</b>

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Chi nhánh Tổng Công ty CP May Việt Tiến	Các đơn vị trực thuộc TCT CP May Việt Tiến – có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty
2. Xí nghiệp Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Xuất nhập khẩu MS VTEC SHIPPING	Công ty liên kết của TCT CP May Việt Tiến
3. Công ty Cổ phần Đồng Tiến	Giám đốc là bên liên quan của người quản lý chủ chốt
4. Doanh nghiệp tư nhân Thăng Lợi	Nhân sự quản lý chủ chốt
5. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	

Tại ngày 31/12/2024 số dư đối với các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Chi nhánh Tổng Công ty CP May Việt Tiến	79.060.185	1.008.128.832
Xí nghiệp Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Xuất nhập khẩu MS VTEC SHIPPING	74.453.690	217.898.623
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.13</b>	<b>153.513.875</b>	<b>1.226.027.455</b>

Các giao dịch trọng yếu đối với các bên liên quan phát sinh trong năm:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng/dịch vụ:		
Chi nhánh Tổng Công ty CP May Việt Tiến	897.564.700	1.749.071.770
Xí nghiệp Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Xuất nhập khẩu MS VTEC SHIPPING	942.823.961	1.412.040.426
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	27.872.222	-
Doanh nghiệp tư nhân Thăng Lợi	730.973.629	50.619.624
<b>Cộng</b>	<b>2.599.234.512</b>	<b>3.211.731.820</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	323.336.000	353.379.544
Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	226.333.000	247.859.616
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT	291.000.000	318.674.935
Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên HĐQT	161.666.000	177.040.297
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên HĐQT	161.666.000	177.040.297
Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	113.164.000	124.202.162
Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	48.501.000	53.229.498
Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	48.501.000	53.229.498

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc	1.152.741.235	920.323.432
Ông Trần Xuân Hòa	P.Tổng Giám đốc	651.791.814	530.705.269
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Kế toán trưởng	492.494.011	385.583.080
Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	318.466.757	233.478.467
Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	116.349.280	90.610.734

**8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Công ty là bên cho thuê**

- Hợp đồng thuê 3.748 m2 mặt bằng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, diện tích cho thuê chỉ còn 1.188 m2) số 05/HĐKT/DM29/3-PTNL ngày 14 tháng 10 năm 2020, thời hạn cho thuê là 20 năm từ ngày 9 tháng 11 năm 2020, giá cho thuê là 50.000 VND/m2/năm (bao gồm thuế GTGT);
- Hợp đồng thuê 6.000 m2 mặt bằng số 04/HĐKT/DM29/3-PTNL ngày 9 tháng 10 năm 2020, thời hạn cho thuê là 20 năm từ ngày 15 tháng 11 năm 2020, giá cho thuê là 50.000 VND/m2/năm (bao gồm thuế GTGT).

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	326.727.273	326.727.273
Trên 1 năm đến 5 năm	1.306.909.092	1.306.909.092
Trên 5 năm	3.551.189.791	3.877.917.064
<b>Cộng</b>	<b>5.184.826.156</b>	<b>5.511.553.429</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Công ty là bên đi thuê**

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng số 95/HĐ-ĐĐ ngày 30/12/2009 giữa UBND thành phố Đà Nẵng với Công ty và các phụ lục kèm theo, thời hạn thuê là 50 năm, diện tích thuê là 58.611,8 m2 tại: số 58-60 Mẹ Nhu, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- Hợp đồng số 132 ngày 12/01/2015 giữa UBND thành phố Đà Nẵng với Công ty, thời hạn thuê từ ngày 20/8/2014 đến ngày 20/08/2044, diện tích thuê là 1.549,1 m2 tại Kiệt 221 Trường Chinh, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. UBND Thành phố Đà Nẵng đã quyết định thu hồi lại khu đất này để thực hiện dự án của thành phố theo Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 và Công ty đã bàn giao lại khu đất vào năm 2025.
- Hợp đồng số 95/HĐĐĐ ngày 05/11/2018 giữa UBND tỉnh Quảng Nam với Công ty, thời hạn thuê từ ngày 21/8/2018 đến ngày 14/12/2055, diện tích thuê là 12.113,7 m2 tại Cụm Công nghiệp Tây An, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam;
- Hợp đồng số 35/HĐĐĐ ngày 05/05/2021 giữa UBND tỉnh Quảng Nam với Công ty, thời hạn thuê đến tháng 1/2057, diện tích thuê là 23.931 m2 tại Cụm Công nghiệp Tây An, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Tại ngày 31/12/2024, công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	3.844.106.606	4.024.995.013
Trên 1 năm đến 5 năm	15.376.426.423	16.099.980.051
Trên 5 năm	114.964.649.225	121.642.674.207
<b>Cộng</b>	<b>134.185.182.254</b>	<b>141.767.649.271</b>

**9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 15/01/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng vốn góp thành lập Công ty con. Cụ thể, nhận chuyển nhượng vốn của Công ty CP Đầu tư Mặt trời Việt tại Công ty CP Vietsun Quảng Nam và đổi tên Công ty CP Vietsun Quảng Nam thành Công ty Cổ phần Hachiba Duy Xuyên. Ngày 08/02/2025, Công ty công bố Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Hachiba Duy Xuyên theo thông báo số 02/CV-HĐQT.

Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phạm Thị Xuân Nguyệt  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 07 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Kim Liên  
Kế toán trưởng

Lê Thị Cẩm Nhung  
Người lập



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



[QR website](#)

Công ty Cổ phần Dệt may 29/3



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

**Địa chỉ:** 60 Mệ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
**Điện thoại:** 0236 375 9991  
**Fax:** 0236 375 9622  
**Website:** [www.hachiba.com.vn](http://www.hachiba.com.vn)